TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/ 2023/HSST
Ngày: 28-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Dung
Bà Nguyễn Thị Phương Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 25 và ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2023/TLST- HS ngày 21 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Hoài N**;** Sinh ngày 26 tháng 10 năm 1995 tại: Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT: Xóm K, xã T, thị xã P, nay là:Tổ K, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: Tổ C, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Tiến P (Đã chết); con bà Nguyễn Thị K; Có vợ là Hoàng Thị V, sinh năm 1994; Có một con, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/01/2022, đến ngày 08/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Bảo lĩnh. Có mặt.

2. Nguyễn Trung S**;** Sinh ngày 24 tháng 02 năm 1986 tại: Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT: Xóm K, xã T, thị xã P, nay là: Tổ K, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: Tổ H, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1949; con bà Lê Thị L, sinh năm 1957. Có vợ là Lê Ngọc M, sinh năm 1990 (Đã ly hôn); Có hai con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06/5/2014, Công an thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Trung S về hành vi "Đánh bạc", mức phạt 350.000đ. Thi hành xong tiền phạt ngày 09/5/2014.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/01/2022, đến ngày 08/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Bảo lĩnh. Có mặt.

3. Ma Văn V1**;** Sinh ngày 28 tháng 6 năm 1996 tại: Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên cửa hàng nội bộ tại công ty S3; Con ông Ma Văn T; con bà Nguyễn Thị T1; Có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 2000; Có một con, sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/01/2022, đến ngày 08/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Bảo lĩnh. Có mặt.

4. Hà Huyền A**;** Sinh ngày 11 tháng 9 năm 1986 tại: Thái Bình; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT: Phố V, phường S, quận L, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Tổ A, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên cửa hàng nội bộ tại Công ty TNHH S3; Con ông Hà Văn V2, sinh năm 1960; con bà Phạm Thị T2, sinh năm 1962; Có chồng là Lê Bá T3, sinh năm 1988; Có hai con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/01/2022, đến ngày 08/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Bảo lĩnh. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo** Hà Huyền A: Ông Vũ Tuấn N1, sinh năm 1965 và ông Đinh Quốc T4- Luật sư Văn phòng luật sư Vũ Tuấn N1 và đồng nghiệp, Đoàn Luật sư T23.

5. Nguyễn Ngọc T5**;** Sinh ngày 15 tháng 01 năm 1991 tại: Thái Nguyên; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã T, thị xã P nay là: Tổ Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên cửa hàng nội bộ tại Công ty TNHH S3; Con ông Nguyễn Thế C, sinh năm 1963; con bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1964. Có chồng: Nguyễn Đình H2, sinh năm 1990; Có một con, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/01/2022, đến ngày 08/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Bảo lĩnh. Có mặt.

* **Người bào chữa cho bị cáo** Nguyễn Ngọc T5: Ông Nguyễn Đức T6; sinh năm 1976- luật sư Văn phòng L6, Đoàn Luật sư tỉnh B. Có mặt.

6. Phạm Thanh B**;** Sinh ngày 02 tháng 3 năm 1989 tại: Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ D, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Phạm Văn K1, sinh năm 1952; con bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1955; Có vợ là Hoàng Thị H3, sinh năm 1990; Có hai con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (Phường P, TP S, tỉnh Thái Nguyên). Có mặt.

7. Đặng Phương N2**;** Sinh ngày 13 tháng 6 năm 1992 tại: Tuyên Quang; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT: Tổ A, phường P,

thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên Công ty I; Họ tên bố: Không; Con bà Đặng Thị N3, sinh năm 1962; Có Vợ: Hà Thị V3, sinh năm 1993; Có một con, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo do bị cáo mời: Luật sư Chu Đình H4 và Lê Anh N4- Công ty L7, Đoàn luật sư T23. Có mặt ngày 24/5/2023, vắng mặt ngày 25/4/2023.

8. Bùi Tấn P2**;** Sinh ngày 04 tháng 01 năm 1994 tại: Tiền Giang; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: Tổ dân phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Bùi Văn Bé T7, sinh năm 1963; con bà Nguyễn Thị Thanh H5, sinh năm 1966; có vợ là Nguyễn Thị T8, sinh năm 2001; Có một con, sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (Phường Đ, TP P, tỉnh Thái Nguyên). Có mặt.

9. Bùi Tấn Đ**;** Sinh ngày 19 tháng 5 năm 1989 tại: Tiền Giang; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: Tổ dân phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Bùi Văn Bé T7, sinh năm 1963; con bà Nguyễn Thị Thanh H5, sinh năm 1966; Có vợ là Dương Thị N5, sinh năm 1984; Có hai con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (Phường Đ, TP P, tỉnh Thái Nguyên). Có mặt

10. Hoàng Xuân B1**;** Sinh ngày 26 tháng 4 năm 1993 tại: Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ G, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; con ông Hoàng Xuân T9, sinh năm 1957; con bà Hà Thị N6, sinh năm 1958; có vợ: Phan Thị Thúy T10, sinh năm 2000; Có một con, sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (Phường T, TP P, tỉnh Thái Nguyên). Có mặt.

11. Đoàn Văn D**;** Sinh ngày 11 tháng 7 năm 1993 tại: Thái Bình; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố Y, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên cửa hàng nội bộ Công ty TNHH S3; Con ông Đoàn Văn N7, sinh năm 1961; con bà Nguyễn Thị K2, sinh năm 1969; có vợ là Nguyễn Thị T8, sinh năm 1996; Có

hai con đều sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (Phường B, TP P, tỉnh Thái Nguyên). Có mặt.

12. Vũ Văn X**;** Sinh ngày 27 tháng 5 năm 1997 tại: Bắc Giang; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT: Thôn M, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Vũ Văn N8 (Đã chết); con bà Trần Thị L1, sinh năm 1969; có vợ Phùng Thị Thanh H6, sinh năm 1998 (Đã ly hôn); Chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (Xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang). Có mặt.

* Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH S4.

Người đại diện theo pháp luật: Ông LEE BYEONG KUK- Chức vụ: Tổng giám đốc.

- **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự**:

1. Bà Phạm Thị Mai D1, sinh năm 1986

Địa chỉ: P Tòa D phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bà Phạm Thùy D2; sinh năm 1986.

Địa chỉ: Căn hộ B N, phường N, quận T, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Như H7;sinh năm 1991

Đ1 chỉ: TDP H, C, quận B, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: Chị Hoàng Thị V , sinh năm 1994.

Trú tại: Tổ C, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Đinh Quang L2, sinh năm 1990.

Trú tại: Tổ E, phường P, TP T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

2.Trần Quốc B2, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ H, phường T, TP T, tỉnh Thái Nguyên

3. Nguyễn Thế V4, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm D, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

4. Đoàn Thanh H8, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm T, xã V, TP P, tỉnh Thái Nguyên.

5. Trần Quốc V5, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm T, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

6. Nguyễn Đình L3, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Trú tại: Phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

7. Nguyễn Xuân T11, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Trú tại: Số nhà C, tổ A, phường Y, quận C, TP Hà Nội.

8. Chị Nguyễn Minh T12, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Trú tại: P chung cư G, phường Y, quận C, TP Hà Nội

9. Chị Vũ Thị T13, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Trú tại: Khu phố P, phường M, TX P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

10. Tạ Tiến N9, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ D T, phường L, TP S, tỉnh Thái Nguyên.

11. Trần Đức T14, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ E, phường H, TP T, tỉnh Thái Nguyên.

12. Trần Nhật T15, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Trú tại**:** Chung cư H Gia Lai, phường T, quận G, TP Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối tháng 12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã liên tiếp nhận được thông tin về các hành vi chiếm đoạt, sử dụng và trao đổi trái phép thông tin tài khoản mua hàng nội bộ của một số nhân viên Cửa hàng nội bộ (viết tắt là Sshop) thuộc Công ty TNHH S4 (viết tắt là Công ty S3) tại địa chỉ: Khu Công nghiệp Y, phường Đ, TP ., tỉnh Thái Nguyên. Kết quả xác minh, điều tra cho thấy:

Từ năm 2014, Công ty TNHH S4 có chương trình bán sản phẩm điện tử thương hiệu Samsung với mức giá ưu đãi (giá nội bộ) chỉ dành riêng cho công nhân viên thuộc tập đoàn S4 tại Việt Nam. Từ năm 2016, hoạt động bán hàng nội bộ được thực hiện thông qua trang thương mại điện tử Sshop.vn của Công ty TNHH Đ5 (viết tắt là Savina) thuộc tập đoàn S4. Để hỗ trợ cho các nhân viên thuộc tập đoàn S4 được hưởng quyền ưu đãi, Công ty S3 đã ký Hợp đồng với Công ty Cổ phần D5 (gọi tắt là Công ty I), có trụ sở tại: Số E H, phường A, quận P, TP Hồ Chí Minh cung cấp nhân lực thực hiện dịch vụ bán hàng tại các Cửa hàng bán hàng nội bộ chỉ dành riêng bán hàng theo giá nội bộ cho các nhân viên thuộc tập đoàn S4, không có khách hàng khác. Sshop phục vụ cho công nhân viên Công ty S3 tại Khu công nghiệp Y, phường Đ, TP P, tỉnh Thái Nguyên được đặt phía ngoài cổng của Công ty. Công nhân viên thuộc tập đoàn S4 muốn tham gia chương trình ưu đãi phải tạo lập tài khoản bao gồm tên tài khoản (ID), mật khẩu (P) trên website – trang thương mại điện tử Sshop.vn. Mỗi công nhân viên chỉ được mở duy nhất 01 tài khoản và được mua với số lượng giới hạn các sản phẩm ưu đãi theo từng năm tùy thuộc vào thời gian cống hiến cho công ty. Tài khoản mua hàng nội bộ do công nhân viên thuộc tập đoàn S4 tự lập hoặc nhờ người khác lập, nếu ai không tham gia chương trình thì có quyền lựa chọn không lập tài khoản. Do vậy, các tài khoản mua hàng nội bộ thuộc quyền sở hữu, quản lý của từng công nhân viên tham gia mua hàng theo chương trình bán hàng nội bộ của Tập đoàn S4. Việc đặt hàng được thực hiện trên website Sshop.vn và thanh toán các đơn hàng bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Công ty. Các sản phẩm ưu đãi sau khi thanh toán thành công trên trang thương mại điện tử Sshop sẽ được giao tới địa chỉ kê khai khi đặt hàng hoặc trực tiếp đến nhận hàng tại S. Từ cuối năm 2019, công ty S3 quy định nhân viên công ty có trách nhiệm bảo mật đối với tài khoản mua hàng nội bộ của bản thân để không gây thiệt hại cho công ty. Công ty I cũng quy định cấm nhân viên chiếm đoạt tài khoản mua hàng nội bộ của khách hàng, quy định bảo mật được thể hiện bằng bản cam kết được nhân viên S1 ký hàng năm

Tại Cửa hàng nội Công ty SEVT, Hà Huyền A có vị trí nhiệm vụ Quản lý bán hàng (S5) – quản lý cao nhất và chịu trách nhiệm mọi hoạt động vận hành tại đây. Nguyễn Ngọc T5 có vị trí nhiệm vụ Trưởng nhóm (Teamleader) chịu sự quản lý trực tiếp của Hà Huyền A. Việc rà soát, ngăn chặn các đơn hàng nghi vấn không phải của nhân viên S4; thẩm quyền xử lý (đề nghị khóa tài khoản hoặc hủy đơn hàng) là của Quản lý bán hàng và T16 nhóm, A1 và T16 bộ phận kinh doanh.

Đối với nhân viên tại S, công việc chủ yếu là tư vấn, giới thiệu sản phẩm, bảo quản các sản phẩm trưng bày, hướng dẫn khách hàng tạo tài khoản, mua hàng qua hệ thống Sshop.vn; kiểm tra thông tin khách hàng, đơn hàng hợp lệ, thanh toán, hướng dẫn thanh toán cho khách hàng...Nhân viên không được tạo hộ tài khoản, không được lưu trữ thông tin tài khoản/mật khẩu của khách hàng dưới bất kỳ hình thức nào.

Các nhân viên tại Sshop gồm: Lê Hoài N làm việc từ tháng 11/2019 đến tháng 5/2020; Đặng Phương N2 làm việc từ năm 2015 đến hết năm 2018; Phạm Thanh B làm việc từ tháng 11/2015 đến tháng 12/2018; Ma Văn V1, Hoàng Xuân B1, Đoàn Văn D, Vũ Văn X đến thời điểm tháng 12/2021 vẫn đang làm việc tại các bộ phận khác nhau của S1. Trong quá trình làm việc tại S, các nhân viên này đã thực hiện việc tạo tài khoản mua hàng nội bộ cho nhiều công nhân Công ty S4 khi họ nhờ đồng thời lưu trữ trái phép các tài khoản mua hàng nội bộ rồi sử dụng các tài khoản đó đặt mua các đơn hàng theo giá ưu đãi, gây thiệt hại cho công ty S3 khi bán hàng sai đối tượng

Trong thời gian làm việc tại S, Lê Hoài N đã mượn được khoảng 10 tài khoản mua hàng nội bộ từ nhân viên Công ty S3 để sử dụng đặt hàng bán cho người khác hưởng chênh lệch. Đến tháng 5/2020, N nghỉ việc tại S. Để có vốn kinh doanh mua sản phẩm, N thỏa thuận với anh Đinh Quang L2 (cửa hàng G1), sinh năm 1990, HKTT: Tổ E, phường P, TP T, tỉnh Thái Nguyên là N sẽ bán cho Lâm sản phẩm tivi, tủ lạnh, điều hoà thương hiệu Samsung với giá thấp hơn giá bán sản phẩm tương tự trên thị trường. Điều kiện là L2 chuyển tiền trước cho N để đặt hàng trực tuyến chuyển về cho L2 hoặc khách hàng của L2, mỗi sản phẩm mua được N bán cho L2 cao hơn giá nội bộ, tiền lãi có được sau khi trừ chi phí thu sẽ chia đôi lợi nhuận. L2 đồng ý. Thời gian sau, N nói cho L2 biết sản phẩm Nam mua là từ Chương trình bán hàng nội bộ của Công ty S3 đồng thời cung cấp cho L2 20 tài khoản (tên đăng nhập và mật khẩu đăng nhập), N nói những tài khoản này là N thuê hoặc mua lại từ nhân viên Công ty S3 để L2 sử dụng đặt hàng cùng N. Đồng thời thỏa thuận L2 phải trả thêm tiền cho N trên mỗi sản phẩm với số tiền tương ứng từ 100.000đ đến 300.000đ/01 sản phẩm. Đến khoảng cuối năm 2020, N không bán sản phẩm mua từ Chương trình nội bộ cho L2 nữa. L2 chỉ còn lưu khoảng 06 tài khoản mua hàng nội bộ và sử dụng để mua một số sản phẩm, tuy nhiên sau đó N đã đổi hết mật khẩu của những tài khoản này nên L2 không còn tài khoản nội bộ nào. N và L2 xác định từ tháng 5/2020 đến cuối năm 2020, N đã đặt và bán 133 mã đơn hàng cho Đinh Quang L2.

Sau đó, Lê Hoài N tiếp tục thỏa thuận với anh Trần Quốc B2, sinh năm 1989, HKTT: Tổ H, phường T, TP T, tỉnh Thái Nguyên về việc Bộ trả trước

tiền cho N để N thanh toán đơn đặt hàng khi đặt mua sản phẩm tại Chương trình nội bộ. Sau khi đặt hàng được, N sẽ bán cho Bộ mỗi sản phẩm cao hơn giá nội bộ từ 50.000đ đến 200.000đ, Bộ bán sản phẩm ra thị trường để hưởng lợi nhuận. N, Bộ không nhớ và không thống kê được cụ thể số lượng mã đặt và đơn hàng. Đối với Trần Quốc B2, N cũng không nói cho B2 biết nguồn gốc tài khoản mua hàng của N do đâu mà có.

Ngoài bán sản phẩm cho Đinh Quang L2, Trần Quốc B2 như trên, N còn bảo Ma Văn V1 sử dụng tài khoản đặt hàng để bán cho anh Nguyễn Thế V4, sinh năm 1985, HKTT: Xóm D, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. N và V1 thỏa thuận chia lợi nhuận bằng cách mỗi người nhận ½ số tiền lãi từ việc bán sản phẩm cho anh V4. Một thời gian sau, anh V4 không mua lại sản phẩm từ N mà thỏa thuận mua sản phẩm trực tiếp với V1, số tiền anh V4 trả cho V1 là từ 50.000đ đến 200.000đ/01 sản phẩm. Trong thời gian từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2021, anh V4 đã mua 200 mã đặt hàng với 245 sản phẩm từ N và V1 bằng hình thức thanh toán bằng tài khoản Ngân hàng của anh V4 và vợ là Đinh Thị Hoài T17. N cũng bán sản phẩm từ Chương trình bán hàng nội bộ cho nhiều khách quen khác qua các trang mạng xã hội nhưng N không nhớ hoặc không có thông tin cụ thể của người mua. Sau khi đặt được hàng, N trực tiếp liên lạc với nhân viên Công ty N14 là anh Trần Quốc V5, sinh năm 1980, HKTT: Xóm Trào, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để chuyển sản phẩm đến vị trí mà N chỉ định (Anh V5 chỉ biết là N bán hàng online các nhãn hàng điện tử của S4).

Về nguồn gốc các tài khoản mua hàng nội bộ: N đã mua với giá tiền từ 300.000đ-500.000đ/01 tài khoản của nhân viên Sshop gồm: Hoàng Xuân B1, sinh năm 1993, HKTT: Tổ dân phố G, phường T, TP P, tỉnh Thái Nguyên với số lượng **30** tài khoản tương ứng số tiền 10.000.000đ, Ma Văn V1, sinh năm 1996, HKTT: Xóm Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên với số lượng **20** tài khoản tương ứng số tiền **5.000.000đ.** Do đã từng làm việc tại S nên N biết cách chiếm đoạt hoặc tự lập tài khoản mua hàng nội bộ chỉ bằng thông tin cá nhân của nhân viên S4. Với công việc chăm sóc khách hàng tại S, Ma Văn V1 được Nguyễn Ngọc T5 giao cho lưu trữ nhiều dữ liệu telesale gồm ID, tên và số điện thoại của nhân viên công ty S3. Khi N đề nghị cung cấp dữ liệu để tạo tài khoản mua hàng nội bộ, V1 đã gửi qua ứng dụng Zalo cho N khoảng **6.000** thông tin cá nhân của nhân viên S4 để Nam tạo tài khoản mua hàng nội bộ (Vĩ không nhận tiền hay lợi ích vật chất gì từ việc cung cấp dữ liệu này). Khi có những thông tin cá nhân do V1 cung cấp, Nam gửi danh sách này cho Nguyễn Trung S, sinh năm 1986, HKTT: Tổ dân phố K, phường T, TP P, tỉnh Thái Nguyên. N hướng dẫn S cách thức rà tài khoản mua hàng nội bộ với tên đăng nhập thường có định dạng "SEVT" + "." (hoặc không có) + "mã nhân viên" + "@gmail.com" và mật khẩu đăng nhập có định dạng "SEVT2017, SEVT2018,….". Nếu đăng nhập được thì S đổi mật khẩu để chiếm đoạt tài khoản mua hàng nội bộ và chuyển cho N. Nếu nhân viên chưa tạo tài khoản thì S lập tài khoản bằng thông tin cá nhân của họ, cụ thể: Tạo tài khoản hòm thư điện tử, đăng ký tài khoản mua hàng nội bộ bằng thông tin cá nhân của nhân viên, sau đó gọi điện nói dối mình là nhân viên S1 tạo tài khoản cho khách

hàng để nhân viên Công ty S3 cung cấp mã xác thực (mã OTP) để tạo lập, chiếm đoạt tài khoản. Tổng số tài khoản S đã chiếm đoạt của nhân viên công ty S3 là 250 tài khoản, S được N trả công với số tiền là 100.000.000đ.

Để mua được nhiều sản phẩm tốt trên trang thương mại điện tử sshop.vn thì cần nhiều người cùng tham gia đặt hàng nên Lê Hoài N thuê Ma Văn V1, Nguyễn Trung S và Đoàn Thanh H8, sinh năm 1991, HKTT: Xóm T, xã V, TP P, tỉnh Thái Nguyên cùng đặt hàng cho mình. Tiền công là 40.000đ-50.000đ/01 sản phẩm đặt thành công. Mỗi khi có sản phẩm được thông báo sẽ bán trên trang sshop.vn, N chuyển thông tin tài khoản sshop và mật khẩu lên nhóm Z để V1, H8, S cùng với N vào sshop.vn đặt hàng. Số tiền N trả công cho V1 từ việc đặt hàng là 40.000.000đ, trả cho H8 15.000.000đ, trả cho S 50.000.000đ. V1 và H8 chỉ sử dụng tài khoản do N cung cấp chứ không thay đổi mật khẩu tài khoản mua hàng nội bộ. Khi tham gia đặt các sản phẩm trên trang thương mại điện tử sshop.vn, N, V1, S, H8 sử dụng tài khoản Ngân hàng của bản thân và mượn của những người quen để thanh toán.

Hà Huyền A trong một lần kiểm tra các mã hàng trục trặc trên hệ thống đã phát hiện Lê Hoài N sử dụng trái phép tài khoản mua hàng nội bộ của người khác. Khoảng tháng 7/2020, N đã trực tiếp đặt vấn đề nhờ Hà Huyền A, Nguyễn Ngọc T5 giúp đỡ để N đặt mua hàng từ tài khoản của nhân viên S4. Do cần tăng doanh số bán hàng của S1 nên Huyền A và T5 đồng ý. Huyền A đã chỉ đạo T5 trực tiếp hỗ trợ N sử dụng tài khoản đặt mua sản phẩm. N không thỏa thuận cụ thể với Huyền A và T5 về số tiền trả công hỗ trợ nhưng N đã chuyển cho T5 số tiền khoảng 25.000.000đ, chuyển cho Huyền A 100 đô la Mỹ và 02 chỉ vàng (số tài sản này Huyền A đã trả lại cho N). T5 thường xuyên thực hiện việc hỗ trợ N sử dụng tài khoản để mua sản phẩm của Chương trình bán hàng nội bộ và khi thực hiện T5 đều báo cáo cho Huyền A biết. Cụ thể các hành vi như sau:

(1) Thông báo trước các đợt giảm giá của Chương trình bán hàng nội bộ để Nam chủ động chuẩn bị đặt mua hàng;

(2) Tạo điều kiện cho N nhận sản phẩm khi đơn hàng bị đưa đến Cửa hàng nội bộ do vi phạm nguyên tắc đặt hàng như trùng lặp địa chỉ nhận, số điện thoại đặt và nhận hàng;

(3) Khi tài khoản mua hàng nội bộ N sử dụng phải bị khóa, T5 tạo điều kiện cho N sử dụng hết các ưu đãi có trong mỗi tài khoản trước khi khóa các tài khoản đó;

(4) Khi phát hiện nhiều tài khoản mua hàng nội bộ vi phạm đặt hàng mà N sử dụng sẽ không khóa hết các tài khoản mà chỉ khóa một số tài khoản;

(5) Hướng dẫn N sử dụng nhiều số điện thoại, địa chỉ nhận hàng khác nhau, thanh toán bằng nhiều tài khoản ngân hàng khác nhau để tránh vi phạm quy định về đặt hàng.

Trong thời gian từ tháng 5/2020 đến tháng 12/2021, Lê Hoài N đã sử dụng trái phép 238 tài khoản mua hàng nội bộ của người khác để đặt mua 1.022 sản phẩm thu lợi số tiền 400.000.000đ. Tại Kết luận giám định số 4370 ngày 07/11/2022 của Sở Tài chính tỉnh T xác định thiệt hại của Công ty TNHH S4 - Thái Nguyên số tiền là 2.487.143.282đ.

Vật chứng tạm giữ gồm:

- Lê Hoài N giao nộp cho Cơ quan điều tra: 16 tủ lạnh loại Side by side Samsung Inverter 660L, mã sản phẩm RS64R5301B4 chưa qua sử dụng (N khai là đã sử dụng tài khoản Sshop của người khác để đặt mua chuyển về cho N). Tại Kết luận định giá tài sản số 156 ngày 14/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản theo QĐ số 77/QĐ-UB của UBND tỉnh T kết luận 16 tủ lạnh nêu trên có tổng giá trị là 574.400.000đ; 01 máy tính Asus.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20 của Lê Hoài N, tại ứng dụng Zalo có các nội dung trao đổi với Nguyễn Ngọc T5, Hà Huyền A về quá trình hỗ trợ Nam đặt mua sản phẩm, sử dụng tài khoản sshop.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20 của Nguyễn Ngọc T5, tại ứng dụng gmail lưu trữ 15 tài khoản mua hàng nội bộ (02 tài khoản là T5 lấy của người không quen biết, 13 tài khoản còn lại là mượn của người quen được phép sử dụng); tại ứng dụng Zalo có các tin nhắn với Ma Văn V1, Hà Huyền A về việc hỗ trợ Lê Hoài N, Phạm Thanh B sử dụng tài khoản mua hàng nội bộ.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, vỏ màu hồng của Hà Huyền A. Kiểm tra dữ liệu điện thoại tại các ứng dụng Zalo, gmail có tin nhắn, thư điện tử liên quan đến chương trình bán hàng nội bộ, danh sách 606 tài khoản mua hàng nội bộ.

- 01 thẻ ATM của Ngân hàng T24 mang tên Hà Huyền A.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21+ của Ma Văn V1. Kiểm tra dữ liệu tại ứng dụng Zalo có tin nhắn trao đổi mượn Tài khoản Ngân hàng để V1 thực hiện đặt hàng cho Lê Hoài N.

- 05 điện thoại di động của Nguyễn Trung S (01 điện thoại nhãn hiệu Mastel vỏ màu đen, bị mất nắp lưng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Intel vỏ màu đỏ) – S xác định sử dụng 05 chiếc điện thoại này để nhận thông tin đặt hàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi vỏ màu đen – Dữ liệu không có nội dung liên quan đến hành vi phạm tội; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo vỏ màu đen: Có lưu giữ 133 tài khoản mua hàng nội bộ. S xác định dùng máy tính để lập tài khoản Sshop, đặt mua hàng.

- 04 máy tính xách tay (01 máy tính nhãn hiệu ASUS, Model X542U3-G0349T, số seri: HBN0CV076293455; 01 máy tính nhãn hiệu ASUS, Model: X542U3-G0349T, số seri: HBN0CV076372459; 01 máy tính nhãn hiệu ASUS, Model X, số seri: BN0CV0729545A; 01 máy tính nhãn hiệu Samsung, Model: NP900X3H, số seri: 0T2Q91KJ800007R) của công ty S3 tạm giữ tại Cửa hàng nội bộ. Kiểm tra dữ liệu máy tính máy tính nhãn hiệu ASUS, Model: X542U3-G0349T, số seri: HBN0CV076372459 do Nguyễn Ngọc T5 quản lý có nội dung tin nhắn what'sapp giữa T5 và Hà Huyền A liên quan đến đơn đặt hàng của Lê Hoài N và một số nội dung khác tại các máy tính về dữ liệu ID, mật khẩu tài khoản sshop.

Đặng Phương N2 khi làm việc tại Sshop biết Hà Huyền A thường yêu cầu các nhân viên hỗ trợ tạo tài khoản cho khách hàng với tên đăng nhập định

dạng giống nhau là "sevt + . + mã gen id + @gmail.com", mật khẩu đăng nhập chung là "SEVT2017, SEVT2018, Savina2019" ... Các nhân viên thường lưu dữ liệu tài khoản trên máy tính của Cửa hàng nên nhiều người biết và có thể lợi dụng việc này để chiếm đoạt tài khoản. Khoảng giữa năm 2018, khi còn làm việc tại Cửa hàng nội bộ, N2 thường mượn hoặc nhờ tài khoản mua hàng nội bộ của khách hàng đến tạo tài khoản để mua sản phẩm, sau đó đăng bán trên các trang mạng xã hội hưởng tiền chênh lệch. Khi có người mua N2 chuyển hàng cho khách thông qua các công ty chuyển phát. Những khách hàng đã mua sản phẩm của Nam thời gian này là khách mua onine và nhóm **cửa hàng** MTA gồm: Anh Trần Anh D3, sinh năm 1985, HKTT: Phường X, quận B, TP Hà Nội, anh Phạm Quang H9, sinh năm 1985, HKTT: Xóm D, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (đều là cán bộ T25 – Bộ Q2) và anh Nguyễn Thế V4, sinh năm 1985, HKTT: Xóm D, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Khoảng năm 2019, sau khi nghỉ việc tại Sshop công ty S3, Nam mượn được 18 tài khoản mua hàng nội bộ của người quen là nhân viên S4, được chủ tài khoản đồng ý để sử dụng đặt mua sản phẩm bán. Đến giữa năm 2020, N2 biết Hoàng Xuân B1, sinh năm 1993 (là nhân viên S1) có chiếm đoạt được tài khoản mua hàng nội bộ bán cho người khác nên N2 hỏi mua. B1 thống nhất bán cho N2 200.000đ/01 tài khoản. Ban đầu, N2 mua của Bắc10 tài khoản (có 01 tài khoản lỗi nên N2 trả cho B1 số tiền 09 tài khoản là 1.800.000đ). Sau đó N2 tiếp tục mua của B1 khoảng 03 đến 04 lần với tổng số khoảng 80 tài khoản. Tổng số tiền mua tài khoản N2 đã trả cho B1 khoảng 20.000.000đ. Khi bán tài khoản cho N2, B1 dặn N2 phải đổi mật khẩu để sử dụng tránh trường hợp bị mất tài khoản và mã giảm giá. Việc đổi mật khẩu các tài khoản cũng như việc đặt mua hàng trên trang sshop.vn do một mình N2 thực hiện. N2 sử dụng số điện thoại của mình hoặc của những người đặt mua hàng để đặt hàng, nhận hàng. N2 dùng tài khoản ngân hàng của mình và mượn của bạn để thanh toán mua hàng trên trang Sshop.vn. Các sản phẩm điện tử nhãn hiệu Samsung mua được từ Chương trình bán hàng nội bộ trong thời gian này N2 bán chủ yếu cho chị Vũ Thị T13 (Facebook Trang V6) sinh năm 1990, trú tại khu phố P, phường M, TX P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Kết quả điều tra xác định, từ tháng 01/2019 đến tháng 3/2021, Đặng Phương N2 đã sử dụng trái phép 89 tài khoản mua hàng nội bộ (số tài khoản N2 mua của Hoàng Xuân B1) để mua 325 sản phẩm, hưởng lợi khoảng 40.000.000đ, gây thiệt hại cho Công ty TNHH S4 –Thái Nguyên số tiền là 641.169.275đ.

Tại Cửa hàng 1989 Mobile: Sau khi nghỉ việc tại S, Phạm Thanh B mở cửa hàng kinh doanh, sửa chữa điện thoại lấy tên "1989 Mobile" tại nhà của mình. Khoảng đầu năm 2020, trong một lần gặp và nói chuyện với B, Hà Huyền A vì muốn tăng doanh số bán hàng nên thỏa thuận sẽ cung cấp tài khoản mua hàng nội bộ của người khác cho B để B sử dụng tài khoản mua sản phẩm từ Chương trình nội bộ. Sau đó, Huyền A chỉ đạo nhân viên cấp dưới của mình tại Shop gồm có: Nguyễn Ngọc T5, Nguyễn Thị H10, Nguyễn Thị Hồng N10, Hoàng Thị N11 xin tài khoản của người quen cho Huyền A mượn để đặt và hủy đơn hàng (Huyền A không nói với H10, N10, N11 là mượn tài khoản rồi

cung cấp cho B). Khi đặt được hàng Bằng gửi danh sách mã đặt hàng để Huyền A kiểm tra, tạo điều kiện cho đơn hàng không bị hủy. Do có mối quan hệ bạn bè thân thiết với B nên khi B sử dụng tài khoản mua hàng nội bộ, Nguyễn Ngọc T5 là người thường xuyên hỗ trợ để B đặt mua được sản phẩm. T5 trực tiếp liên lạc, trao đổi với B các thông tin về một phần chương trình khuyến mại để Bằng mua những sản phẩm hợp lý; cung cấp đường dẫn mua một số sản phẩm khi trên trang sshop.vn không hiển thị. T5 cũng dặn B phải đổi mật khẩu khi sử dụng, phải thêm số điện thoại xác thực để tránh bị người khác lấy tài khoản. Khi chủ tài khoản đến cửa hàng kiến nghị việc mất tài khoản, nếu T5 kiểm tra biết B đang sử dụng tài khoản thì T5 bảo B trả lại tài khoản cho khách hàng là nhân viên công ty S3. Trong quá trình Bằng sử dụng tài khoản mua hàng nội bộ, nhiều tài khoản bị chủ tài khoản đăng nhập dùng mất mã giảm giá khi mua hàng nên B đã đổi mật khẩu các tài khoản. Bằng một mình thực hiện việc đặt hàng trên trang sshop.vn, sử dụng số điện thoại của mình để đặt hàng, nhận hàng. Tài khoản Ngân hàng để thanh toán mua hàng thì B sử dụng tài khoản của mình và mượn của vợ, mẹ và chị gái B. Bằng đã gửi quà và tiền cảm ơn T5 số tiền khoảng 5.000.000đ, gửi cho Huyền A khoảng 4.000.000đ.

Từ đầu năm 2020 đến tháng 12/2021, Phạm Thanh B đã sử dụng trái phép 35 tài khoản mua hàng nội bộ của người khác (trong đó Huyền A cung cấp 30 tài khoản, T5 cung cấp 05 tài khoản) để đặt 128 mã hàng, hưởng lợi khoảng 30.000.000đ. Tại Kết luận giám định số 4373 ngày 07/11/2022 của Sở Tài chính tỉnh T xác định thiệt hại của Công ty TNHH S4 –Thái Nguyên số tiền là 394.892.191đ.

Hoàng Xuân B1, Đoàn Văn D và Vũ Văn X được giao nhiều công việc tại Sshop trong đó có việc hỗ trợ khách hàng của Chương trình bán hàng nội bộ. Để thuận tiện cho việc hỗ trợ khách hàng, B1, D, X thường lưu lại tên đăng nhập và mật khẩu tài khoản của khách hàng trên mục "Ghi chú" của điện thoại di động. Khoảng giữa năm 2020, Đặng Phương N2 hỏi Hoàng Xuân B1 có bán tài khoản mua hàng nội bộ không thì B1 nảy sinh ý định lấy tài khoản của khách hàng, đổi mật khẩu để bán cho N2. Bắc và N2 thỏa thuận giá bán là 200.000đ/01 tài khoản. Thời gian đó, B1 đã lấy được thông tin của khách hàng và bán cho N2 10 tài khoản nhưng khi N2 kiểm tra thì có 01 tài khoản bị lỗi nên N2 trả Bắc số tiền là 1.800.000đ bằng hình thức chuyển khoản. Để có nhiều tài khoản bán cho Đặng Phương N2, B1 trao đổi với D và X là nếu có tài khoản thì gửi cho B1 để B1 bán. Bắc, D, X đã cùng nhau gom và bán cho N2 được khoảng 80 tài khoản mua hàng nội bộ. Tổng số tiền B1 bán tài khoản mua hàng nội bộ của người khác cho N2 là khoảng 20.000.000đ bao gồm cả chuyển khoản và tiền mặt.

Trong thời gian này, Lê Hoài N biết B1 có bán tài khoản mua hàng nội bộ nên N cũng thỏa thuận mua tài khoản của Hoàng Xuân B1 với giá 350.000đ/01 tài khoản bình thường, 500.000đ/01 tài khoản có thêm mã giảm giá. Bắc tiếp tục bảo D, X có tài khoản thì gửi cho B1 để B1 bán cho N. Bắc, D, X đã gom được và bán cho N khoảng 30 tài khoản mua hàng nội bộ với tổng số tiền là trên 10.000.000đ.

Do có quen biết với anh Phạm Quang H9 (cửa hàng MTA) nên khi anh H9 hỏi B1 có tài khoản mua hàng nội bộ bán không để anh H9 mua tự sử dụng thì Hoàng Xuân B1 đã đồng ý. B1 cùng với D, X tiếp tục gom tài khoản mua hàng nội bộ (B1 không nói cho D, X biết là bán cho ai). Sau đó D, X chuyển tài khoản cho B1 để B1 bán cho anh H9 nhiều lần với số lượng khoảng 100 tài khoản (Bắc: 20 tài khoản, D: 40 tài khoản, Xuất: 30 tài khoản), giá tiền là 300.000đ-500.000đ/01 tài khoản tùy hạn mức có trong mỗi tài khoản. Số tiền anh H9 trả cho B1 từ việc mua tài khoản của B1 là 56.500.000đ bằng hình thức chuyển khoản.

Kết quả điều tra xác định, từ tháng 8/2020 đến tháng 12/2021, Hoàng Xuân B1, Đoàn Văn D và Vũ Văn X đã thu lợi bất chính từ bán tài khoản mua hàng nội bộ của người khác với tổng số tiền là 86.500.000đ.

Quá trình điều tra, ngoài hành vi sử dụng trái phép tài khoản mua hàng nội bộ của các nhân viên tại Sshop công ty S3 còn xác định có hành vi của người bên ngoài S1 chiếm đoạt, sử dụng trái phép tài khoản mua hàng nội bộ. Cụ thể:

Tại Cửa hàng A4: Bùi Tấn P2 là chủ cửa hàng kinh doanh điện thoại di động "Apple Homes" và điều hành mọi hoạt động tại đây. Khoảng đầu năm 2019, P2 nhờ nhân viên công ty S3 tự đặt hàng bằng tài khoản mua hàng nội bộ hoặc ra Sshop mua trực tiếp sản phẩm về bán cho P2, P2 trả công từ 100.000đ-200.000đ/01 sản phẩm. Đến giữa năm 2019, P2 bị chặn đơn hàng và bị khóa một số tài khoản mua hàng nội bộ. P2 đã nhờ Nguyễn Xuân G, sinh năm 1993 (cửa hàng V10) đưa đến gặp Hà Huyền A - quản lý Cửa hàng nội bộ để nhờ Huyền A giúp đỡ cho P2 được mua sản phẩm. Do muốn tăng doanh số bán hàng của S1, Huyền A tạo điều kiện cho P2 mua hàng bằng cách nhắn tin thông báo những Chương trình giảm giá để P2 chủ động đặt mua sản phẩm. P2 không thỏa thuận về việc chuyển tiền, tài sản cho Huyền A mà chỉ tặng quà vào một số ngày lễ tết.

Từ cuối năm 2018 đến tháng 10/2020, P2 thuê Nguyễn Ngọc H11, sinh năm 1995, trú tại Tổ dân phố Y, phường Đ, TP P, tỉnh Thái Nguyên và Bàn Thị V7, sinh năm 1997 nhân viên công ty S3 đã nghỉ việc) làm tại cửa hàng. P2 mượn tài khoản mua hàng nội bộ của V7 để sử dụng đặt hàng trên trang sshop.vn. Bên cạnh đó, P2 và V7 cũng đi thuê, mua tài khoản về để P2 sử dụng (P, V7 không nhớ số lượng cụ thể tài khoản). V7 làm việc cho P2 được khoảng 02 tháng thì nghỉ việc. Đến tháng 11/2020, H11 cũng nghỉ việc tại cửa hàng P2 để mở cửa hàng kinh doanh điện thoại (cửa hàng HT Mobile store). H11 sử dụng 10 tài khoản mà Hoàng Thị H12 (vợ của H11), sinh năm 1997 – nhân viên công ty S3 đi thuê, mua được để mua hàng. Đầu năm 2021, P2 đã mượn H11 10 tài khoản nội bộ này để đặt hàng tại Chương trình bán hàng nội bộ và trả cho H11 số tiền khoảng 2.000.000đ. V7, H11 đều không tự ý đổi mật khẩu tài khoản mua hàng của khách hàng khi đặt hàng cho P2. Khoảng cuối năm 2021, P2 còn nhờ Nguyễn Đình Đ2, sinh năm 1993 và Đào Minh Đ3, sinh năm 1993, đều trú tại Tổ dân phố A, phường Đ, TP P dùng tài khoản của Đ2, Đ3 tham gia đặt hàng từ Chương trình bán hàng nội bộ cho P2. Tuy nhiên Đ2 và Đ3 đặt hàng cho P2 với số lượng ít (P, Đ2, Đ3 không nhớ số lượng cụ thể).

Với những tài khoản thuê được thì P2 không đổi mật khẩu, khi chủ tài khoản yêu cầu thì P2 trả lại. Với những tài khoản mua được từ khách hàng đến sửa chữa điện thoại tại cửa hàng A4 và nhân viên công ty S3, vì không muốn chủ tài khoản tiếp tục sử dụng mất mã giảm giá nên P2 đều đổi mật khẩu và không thông báo cho chủ tài khoản biết.

Khoảng giữa năm 2020, anh trai của P2 là Bùi Tấn Đ, sinh năm 1986 bắt đầu đến làm thuê cho P2, P2 cũng nhờ Đ đứng tên kinh doanh tại cửa hàng A4. P2 đã hướng dẫn Đ cách sử dụng tài khoản đặt sản phẩm tại trang sshop.vn, hướng dẫn cách đổi mật khẩu tài khoản mua hàng nội bộ để khách không thể tiếp tục sử dụng. Khi khách là nhân viên công ty S3 đến cửa hàng A4, Đ thường hỏi mua tài khoản của khách, nếu khách đồng ý bán thì sau khi mua Đ đổi mật khẩu tài khoản thành "dat1986@" để dễ nhớ khi sử dụng. Sản phẩm mua được từ Chương trình bán hàng nội bộ, P2 bán để hưởng chênh lệch cho anh Trần Anh D3 (cửa hàng MTA) và một số cửa hàng khác ở TP Hà Nội.

Kết quả điều tra xác định, từ năm 2020 đến tháng 12/2021, Bùi Tấn P2 và Bùi Tấn Đ đã sử dụng trái phép 88 tài khoản mua hàng nội bộ của người khác để mua 691 sản phẩm từ Chương trình bán hàng nội bộ, thu lợi số tiền khoảng 150.000.000đ, gây thiệt hại cho Công ty TNHH S4 –Thái Nguyên số tiền là 2.231.131.270đ.

Quá trình điều tra còn xác định các trường hợp sử dụng tài khoản mua hàng nội bộ và mua sản phẩm của Chương trình bán hàng nội bộ công ty SEVT như sau:

- Nguyễn Văn H13, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố H, phường H, TP P, tỉnh Thái Nguyên. H13 làm việc tại Sshop công ty S3 từ ngày 04/7/2015 đến cuối năm 2018. Sau khi nghỉ việc, H13 bảo vợ là Nguyễn Thùy D4, sinh năm 1993 là nhân viên công ty S3 mượn tài khoản của nhân viên làm cùng để H13 sử dụng mua sản phẩm từ Chương trình bán hàng nội bộ. D4 mượn cho H13 07 tài khoản; D4 bảo một số nhân viên làm cùng cung cấp thông tin cho D4 để H13 tự lập tài khoản từ những người này. H13 đã sử dụng 21 tài khoản mua hàng nội bộ của người khác để đặt 66 mã sản phẩm, trong đó 08 tài khoản được chủ tài khoản cho phép. Số tài khoản H13 sử dụng trái phép là 13 tài khoản, đặt mua 53 sản phẩm với số tiền thu lợi bất chính khoảng 10.000.000đ, gây thiệt hại cho công ty S3 số tiền 89.806.792đ.

- Nguyễn Đình L3, sinh năm 1988, HKTT: Phường L, quận Đ, TP Hà Nội (cửa hàng G2). Qua các mối quan hệ bạn bè, L3 biết Hà Huyền A là Quản lý bán hàng của Sshop công ty S3). Khoảng đầu năm 2019, L3 gọi điện thoại hỏi Hà Huyền A hỏi Cửa hàng nội bộ có bán phụ kiện điện thoại của hãng S4 không để L3 mua thì Huyền A trả lời không có. Thời gian sau, Huyền A chủ động gọi điện cho L3 đặt vấn đề cần tăng doanh số của Sshop công ty S3 nên Huyền A sẽ hướng dẫn L3 mua sản phẩm với giá ưu đãi thấp hơn giá thị trường nên L3 đồng ý. Cũng trong thời gian này, S1 thuê thêm người ở ngoài tham gia lập tài khoản với hình thức thuê bán thời gian. Huyền A đã làm việc với nhiều người (do thời gian đã lâu nên không nhớ được thông tin cá nhân của người nào cụ thể) để họ mượn tài khoản từ khách hàng cho Huyền A, không nói mục đích mượn. Hà Huyền A đã thu thập được khoảng 600 tài khoản mua hàng nội

bộ từ nhân viên làm bán thời gian để cung cấp tài khoản cho L3, cung cấp cho L3 bằng cách gửi tin nhắn qua ứng dụng Zalo và T18; đồng thời hướng dẫn L3 truy cập vào trang thương mại điện tử sshop.vn để mua sản phẩm. Khi cung cấp tài khoản Huyền A cũng nói với L3 những tài khoản này được Huyền A mượn của nhân viên công ty S4, Huyền A cũng nói với L3 là đã xin phép chị Nguyễn Minh T12 (là quản lý Chương trình nội bộ Savina) nên L3 yên tâm đặt sản phẩm. Quá trình sử dụng tài khoản mua hàng, L3 không thay đổi mật khẩu của tài khoản, khi có tài khoản không đăng nhập được thì L3 không dùng tài khoản đó nữa. Từ năm 2019 đến cuối năm 2021, L3 đã sử dụng 547 tài khoản mua hàng do Huyền A cung cấp để đặt mua 2.568 sản phẩm bán tại cửa hàng G2. L3 và Huyền A không thỏa thuận chia sẻ lợi nhuận với nhau nhưng L3 đã tự nguyện tặng quà cho Huyền A nhiều lần với giá trị khoảng 30.000.000đ.

- Nguyễn Xuân T11, sinh năm 1985, HKTT: Số nhà C, tổ A, phường Y, quận C, TP Hà Nội (Facebook Nguyen X và Z1). Khoảng năm 2019, T11 tìm trên mạng xã hội các nguồn bán sản phẩm điện tử để kinh doanh trực tuyến thì thấy một số người sử dụng tài khoản Facebook đăng bán sản phẩm điện tử nhãn hiệu Samsung với giá rẻ. Thông qua em trai là Nguyễn Trường A2, sinh năm 1992, trú tại Khu B, xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ - là nhân viên công ty S3, T11 biết nhân viên công ty S3 có thể mua sản phẩm với giá ưu đãi từ Chương trình bán hàng nội bộ. T11 đã xin tài khoản của A2, nhờ A2 xin cho Tú tài khoản của nhân viên S2 và được A2 đồng ý. T11 cũng nhờ Nguyễn Xuân T19, sinh năm 1994 và Trần Thị H14, sinh năm 1993 (em họ và em dâu của T11) đều là nhân viên công ty S3 xin cho Tú tài khoản của nhân viên để T11 sử dụng đặt mua hàng. Tổng số tài khoản T11 nhờ xin được là 70 tài khoản trong đó H14 cung cấp khoảng 60 tài khoản; T19 và A2 mỗi người từ 02-03 tài khoản. Ngoài ra, T11 còn mua khoảng 20 tài khoản của một số người trong nhóm Facebook "Hội Trai xinh – gái đẹp SEV SEVT SEMV SDV" với giá 200.000đ đến 500.000đ/01 tài khoản. Đến tháng 5/2020, Cửa hàng nội bộ công ty S3 gọi điện cho T11 thông báo việc mua hàng của T11 vi phạm quy định của công ty nên T11 dừng sử dụng những tài khoản nêu. T11 chỉ còn sử dụng tài khoản mượn được của A2 và T19 để đặt mua sản phẩm. Tài liệu điều tra xác định, Trần Thị H14 làm việc tại Sshop công ty S3 từ cuối tháng 9/2018 đến tháng 01/2019, thời điểm đó Công ty I chưa có quy định về bảo mật, cấm lưu giữ, chiếm đoạt tài khoản đối với nhân viên cửa hàng.

- Tạ Tiến N9, sinh năm 1991, trú tại Tổ D T, phường L, TP S, tỉnh Thái Nguyên và Trần Đức T14, sinh năm 1991, trú tại Tổ E, phường H, TP T, tỉnh Thái Nguyên đều là nhân viên công ty S3. N9 và T14 thỏa thuận cùng nhau sử dụng tài khoản mua hàng nội bộ để bán sản phẩm hưởng chênh lệch. T14 đi mượn tài khoản mua hàng nội bộ, N9 tìm mua sản phẩm để bán. Qua mạng xã hội Facebook, N9 biết Vũ Thị T13 (F V6), sinh năm 1990, trú tại khu phố P, phường M, TX P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là người mua các sản phẩm thiết bị di động nhãn hiệu Samsung. T14 đã mượn được 23 tài khoản mua hàng nội bộ trực tiếp từ chủ tài khoản và cùng N9 đặt 83 sản phẩm điện tử nhãn hiệu Samsung với bán cho T13. Vũ Thị T13 cũng là người đã mua nhiều sản phẩm điện tử của Đặng Phương N2.

- Trần Nhật T15, sinh năm 1987, trú tại Chung cư H Gia Lai, phường T, quận G, TP Hồ Chí Minh (cửa hàng D6.com.vn). Khoảng năm 2019, qua quen biết với Đào Văn L4, sinh năm 1994 – công nhân công ty S3 có bán điện thoại di động giá rẻ nên T15 đã thỏa thuận đặt mua sản phẩm của L4. T15 chuyển tiền cho L4 đặt sản phẩm, số điện thoại và địa chỉ nhận hàng theo địa chỉ của T15, việc giao hàng được thực hiện thông qua các công ty chuyển phát. Để có tài khoản mua hàng nội bộ, L4 mượn của một số người quen tại công ty S3, được chủ tài khoản đồng ý cho L4 sử dụng gồm: Đào Thị V8, Bùi Thị Anh Đ4, Hồ Xuân N12, Mai Thị Hải Y, Nguyễn Danh Anh N13, Đỗ Thị H15, Đào Xuân T20, Phạm Văn Q1. Trần Nhật T15 đã mua tổng số 28 sản phẩm với số tiền 76.318.350đ từ Đào Văn L4.

- Đinh Quang L2 (cửa hàng G1), ngoài mua sản phẩm của Lê Hoài N thì L2 khai còn mua của Trương Quốc L5 – là quản lý tại Chương trình nội bộ; Bùi Tấn P2 (cửa hàng A4); Nguyễn Khắc V9; Nguyễn Tuấn A3 (em của V9). Tuy nhiên dữ liệu điện tử do công ty S3 cung cấp không có thông tin đặt hàng liên quan đến V9 và Tuấn A3. Quá trình điều tra xác định L2 còn nhận lắp đặt sản phẩm tivi, điều hòa, tủ lạnh nhãn hiệu Samsung cho 03 người đều là nhân viên Công ty S3 gồm: Nguyễn Hữu T21, H11, T22 (L2 không biết họ tên đệm, thông tin cụ thể của những người này và hiện nay L2 không còn liên lạc với cả 03 người). Tiếp, H11, T22 đặt mua sản phẩm từ Chương trình nội bộ chuyển về cửa hàng G1 để thuê L2 lắp đặt cho người mua của họ. Dữ liệu điện tử của Công ty S3 không có thông tin tài khoản Ngân hàng của Đinh Quang L2 thực hiện thanh toán mua hàng nội bộ đối với các đơn hàng này.

*Vật chứng vụ án:

1- 16 (Mười sáu) chiếc tủ lạnh side by side Samsung Inverter 660L, mã sản phẩm RS64R5301B4, chưa qua sử dụng;

2- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20+, số IMEI1: 355362114211662; số IMEI2: 355363114211660 được niêm phong trong 01 phong bì theo đúng quy định pháp luật có chữ ký của Lê Hoài N;

3- 01 (Một) máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Product ID 00327-35191-08559-AAOEM; Device ID: DDCFD1C5-5767-46BB-BC70-5E9DBD2660F được niêm phong trong 01 thùng theo đúng quy định pháp luật có chữ ký của Lê Hoài N.

4- 01 (Một) thẻ ATM số 9704 0799 7146 4858 của Ngân hàng T24 mang tên Lê Hoài N, 01 (một) thẻ ATM 9704 0799 3318 4838 của Ngân hàng T24 mang tên Hoàng Thị V được niêm phong trong 01 phong bì theo đúng quy định pháp luật.

5- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu S4 20, IMEI1: 354626226496986/01, IMEI2: 359453166496982/01 được niêm phong trong 01 phong bì theo đúng quy định pháp luật có chữ ký của Nguyễn Ngọc T5.

6- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21+, IMEI1: 352630602757203, IMEI2: 352816902757205 được niêm phong trong 01 phong bì theo đúng quy định pháp luật có chữ ký của Ma Văn V1.

7- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, vỏ màu hồng, số IMEI: 354626/22/634734/6; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng T24 mang tên Hà

Huyền A trong 01 phong bì theo đúng quy định Pháp luật có chữ ký của Hà Huyền A.

8- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel số IMEI 355634048615626, vỏ màu đen, bị mất nắp lưng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel số IMEI 355634048533134, vỏ màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel số IMEI 359366094721133, vỏ màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia số IMEI 353141113005156, IMEI2 353141118005151, vỏ màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel số IMEI 358625107589147, IMEI2 358625107589154, vỏ màu đỏ; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, vỏ màu đen; 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo, vỏ màu đen được niêm phong trong 01 thùng theo đúng quy định pháp luật có chữ ký của Nguyễn Trung S.

9- 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Model X542U03-G0349T, số seri: HBN0CV076293455 và 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Model: X542U3-G0349T, số seri: HBN0CV076272459, niêm phong trong 01 thùng ký hiệu A1 theo đúng quy định pháp luật.

10- 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Model X542U3-G0349T, số seri HBN0CV0729545A; 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu S4, Model: NP900X3H, số seri: 0T2Q91KJ800007R, niêm phong trong 01 thùng ký hiệu A2 theo đúng quy định pháp luật.

*Về trách nhiệm dân sự: Công ty S3 đề nghị các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền gây thiệt hại cho công ty là 5,754,336,018 đồng. Công Ty S3 không yêu cầu Công ty I phải bồi thường trong vụ án này.

Lê Hoài N đã tự nguyện khắc phục một phần số tiền gây thiệt hại cho công ty S3 là 50.000.000đồng (nộp trong quá trình chuẩn bị xét xử và 5.000.000đồng tiền thu lời bất chính nộp trong quá trình điều tra;

Nguyễn Trung S đã nộp một phần số tiền thu lợi bất chính là 3.000.000đ trong quá trình điều tra và 20.000.000đồng nộp bồi thường khắc phục hậu quả trong quá trình chuẩn bị xét xử,

Hà Huyền A nộp 4.000.000đ tiền thu lời bất chính trong quá trình điều tra và 5.000.000đồng bồi thường cho nguyên đơn dân sự.

Nguyễn Ngọc T5 nộp 25.000.000đ tiền thu lợi bất chính và 20.000.000đồng khắc phục hậu quả, bồi thường cho nguyên đơn dân sự.

Ma Văn V1 nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính là 50.000.000đ và 20.000.000đồng bồi thường dân sự.

Bùi Tấn P2 đã nộp 550.000.000đồng bồi thường khắc phục hậu quả và 5.000.000 đồng thu lời bất chính.

Bùi Tấn Đ đã nộp 50.000.000đồng bồi thường khắc phục hậu quả.

Phạm Thanh B đã nộp 20.000.000đồng bồi thường khắc phục hậu quả và 10.000.000đồng tiền thu lời bất chính.

Đặng Phương N2 đã nộp 30.000.000đồng bồi thường khắc phục hậu quả và nộp 10.000.000đồng tiền thu lời bất chính

Các bị cáo Hoàng Xuân B1, Đoàn Văn D, Vũ Văn X mỗi bị cáo nộp 5.000.000 đồng tiền thu lời bất chính.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKS-P1 ngày 17 tháng 02 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố:

- Các bị cáo Lê Hoài Nam, Nguyễn Trung Sơn, Ma Văn V1, Hà Huyền A và Nguyễn Ngọc T5 về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"* theo điểm a, d khoản 2 Điều 288 Bộ luật Hình sự;

- Các bị cáo Đặng Phương N2, Bùi Tấn P2, Bùi Tấn Đ về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"* theo điểm d khoản 2 Điều 288 Bộ luật Hình sự;

- Các bị cáo Phạm Thanh B, Hoàng Xuân B1, Vũ Văn X, Đoàn Văn D về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"* theo điểm c khoản 1 Điều 288 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đều thừa nhận: Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố đối với các bị cáo về tội ":*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"* là đúng người, đúng tội, không oan.

Phần luận tội tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Hoài N, Nguyễn Trung S, Ma Văn V1, Hà Huyền A và Nguyễn Ngọc T5 về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"* theo điểm a, d khoản 2 Điều 288 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đặng Phương N2, Bùi Tấn P2, Bùi Tấn Đ về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"* theo điểm d khoản 2 Điều 288 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Phạm Thanh B, Hoàng Xuân B1, Vũ Văn X, Đoàn Văn D về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"* theo điểm c khoản 1 Điều 288 Bộ luật Hình sự;

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 288; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Lê Hoài N từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 288; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Nguyễn Trung S từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù .

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 288; Điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Hà Huyền A từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 288; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Nguyễn Ngọc T5 từ 11 tháng 10 ngày giam.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 288; Điểm b, s khoản 1 , khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Ma văn Vĩ từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 288; Điểm b, s khoản 1 , khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Đặng Phương N2 từ

24 tháng tù đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 288; Điểm b, s khoản 1 , khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Bùi Tấn P2 từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 288; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Bùi Tấn Đ từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 288; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Phạm Thanh B 09 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thứ thách là từ18 tháng đến 24 tháng

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 288; Điểm i, s khoản 1 , khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Hoàng Xuân B1 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 288; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Vũ Văn X từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 288; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Đoàn Văn D từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Đề nghị miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính do các bị cáo phạm tội mà có, cụ thể: Bị cáo Lê Hoài N: 400.000.000đ; đã nộp 5.000.0000đồng; Bị cáo Nguyễn Trung S: 150.000.000đ; đã nộp 3.000.000đồng; Bị cáo Ma Văn V1: 50.000.000đ; đã nộp đủ; Bị cáo Nguyễn Ngọc T5: 30.000.000đ, đã nộp 25.000.000đồng; Bị cáo Hà Huyền A số tiền 4.000.000đ (Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 4.000.000đ tại Cơ quan điều tra); Bị cáo Đặng Phương N2: 40.000.000đ, đã nộp 10.000.000đồng; Bị cáo Phạm Thanh B: 30.000.000đồng, đã nộp 10.000.000đồng; Bị cáo Bùi Tấn P2: 150.000.000đ, bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000đồng; Các bị cáo Hoàng Xuân B1, Đoàn Văn

Dũng, Vũ Văn X mỗi người 28.834.000đ. Mỗi bị cáo đã nộp 5.000.000đồng.

- **Về trách nhiệm dân sự**: Áp dụng Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH S4, cụ thể như sau:

Bị cáo Lê Hoài N phải bồi thường ½ số tiền đã gây thiệt hại cho công ty S3 là 1.243.571.641 đồng. Bị cáo Lê Hoài N đã nộp số tiền 50.000.000đ. Còn phải nộp 1.193.571.641 đồng.

+ Buộc các bị cáo Hà Huyền A, Nguyễn Trung S, Ma Văn V1, Nguyễn Ngọc T5 mỗi người phải liên đới bồi thường số tiền 310.892.910đồng

Bị cáo Nguyễn Trung S đã nộp số tiền 20.000.000đ

Bị cáo Ma Văn V1 đã nộp số tiền 20.000.000đồng.

+ Buộc các bị cáo Bùi Tấn P2 phải bồi thường 2/3 thiệt hại đã gây ra cho công ty S3 là 1.487.420.847đồng, bị cáo đã nộp 50.000.000đồng

Bị cáo Bùi Tấn Đ phải bồi thường 1/3 thiệt hại đã gây ra cho công ty S3 là 743.710.423 đồng, bị cáo đã nộp số tiền 50.000.000đồng.

+ Buộc bị cáo Phạm Thanh B phải bồi thường số tiền 2/3 số tiền gây thiệt hại cho công ty S3 là 263.261.461 đồng, bị cáo đã nộp số tiền 20.000.000đồng. Các bị cáo Hà Huyền A, Nguyễn Ngọc T5 phải liên đới bồi thường cụ thể mỗi bị cáo là 65.815. 365đồng.

- Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Đặng Phương N2 phải bồi thường số tiền 641.169.275đồng; bị cáo đã nộp số tiền 30.000.000đồng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS 2015

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20+, số IMEI1: 355362114211662, IMEI2: 355363114211660 được niêm phong trong phong bì đúng quy định có chữ ký Lê Hoài N;

+ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Product ID 00327-35191-08559-AAOEM; Device ID: DDCFD1C5-5767-46BB-BC70-5E9DBD2660F được niêm phong trong 01 thùng đúng quy định có chữ ký Lê Hoài N;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20, IMEI1: 354626226496986/01, IMEI2: 359453166496982/01 được niêm phong trong phong bì đúng quy định có chữ ký Nguyễn Ngọc T5;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21+, IMEI1: 352630602757203, IMEI2: 352816902757205 được niêm phong trong phong bì đúng quy định có chữ ký Ma Văn V1;

+ **01** điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, vỏ màu hồng, số IMEI: 354626/22/634734/6 trong 01 phong bì đúng quy định có chữ ký Hà Huyền A;

+ **05** Điện thoại (**0**1 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel số IMEI: 355634048615626 vỏ màu đen, bị mất nắp lưng; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Mastel số IMEI: 355634048533134 vỏ màu đen; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Mastel số IMEI: 359366094721133 vỏ màu đen; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Nokia số IMEI1: 353141113005156, IMEI2:

353141118005151 vỏ màu đen; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Intel số IMEI1: 358625107589147, IMEI2: 358625107589154 vỏ màu đỏ) và **01** máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo vỏ màu đen – tất cả được niêm phong trong 01 thùng đúng quy định có chữ ký của Nguyễn Trung Sơn;

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo:

+ Lê Hoài N **16** chiếc tủ lạnh Side by side Samsung Inveter 660L, mã sản phẩm RS64R5301B4, chưa qua sử dụng;

+ Nguyễn Trung S **01** điện thoại di động nhãn hiệu Redmi vỏ màu đen;

- Trả lại cho Công ty TNHH S2 - Thái Nguyên:

+ **01** máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Model X542U3-G0349T, số seri: HBN0CV076293455 và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Model:

X542U3-G0349T, số seri: HBN0CV076272459 – niêm phong trong 01 thùng ký hiệu A1 theo quy định;

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Model X542U3-G0349T, số seri: HBN0CV0729545A; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Samsung, Model: NP900X3H, số seri: 0T2Q91KJ800007R - niêm phong trong 01 thùng ký hiệu A2 theo quy định;

- Trả lại cho chị Hoàng Thị V 01 thẻ ATM số 9704 0799 3318 4838 của ngân hàng T10 mang tên được niêm phong trong 01 phong bì đúng quy định.

- Trả lại cho bị cáo Hà Huyền A **01** thẻ ATM của ngân hàng T10 niêm phong trong 01 phong bì đúng quy định có chữ ký Hà Huyền A;

+ Trả lại cho Lê Hoài N 01 thẻ ATM số 9704 0799 7146 4858 của ngân hàng T10 mang tên Lê Hoài N được niêm phong trong 01 phong bì đúng quy định.

Về án phí : Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo: Luật sư nhất trí cáo trạng truy tố đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội danh, điều luật áp dụng. Tuy nhiên, về việc kết luận giám định đối với số tiền thiệt hại là không chính xác, nhầm đối tượng, vì các sản phẩm mua hàng này bán cho nhân viên của công ty thì vẫn theo giá nội bộ, cơ quan chuyên môn lấy lấy số tiền chênh lệch giữa giá bán niêm yết với giá bán nội bộ để tính thiệt hại là không đúng. Việc xác định thiệt hại cần xác định thiệt hại thực tế theo Bộ luật dân sự năm 2015. Bị cáo T có thêm tình tiết mới đó là nộp thêm 20.000.000đồng để khắc phục bồi thường cho công ty S3, Đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T không tranh luận, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Huyền A trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo: Luật sư nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo, bị cáo Hà Huyền A có vai trò đồng phạm, giúp sức cho bị cáo Lê Hoài N và bị cáo Phạm Thanh B, chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn, tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả, bị cáo có bố đẻ được tặng thưởng Huy Chương chiến sỹ vẻ vang, bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Luật sư T1 đề nghị cho bị cáo Hà Huyền A 24 tháng tù cho hưởng án treo. Luật sư N1 đề nghị xét xử bị cáo bằng thời gian tạm giam là 11 tháng, 10 ngày. Về trách nhiệm bồi thường, bị cáo trực tiếp ký hợp đồng lao động với Công ty I1 đề nghị áp dụng Điều 600 Bộ luật dân sự buộc Công ty I1 phải bồi thường**.**

Bị cáo Hà Huyền A không tranh luận**,** bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo xin mức án thấp nhất. Về bồi thường, bị cáo đề nghị xem xét bị cáo chỉ bồi thường theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Phương N2 trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo: Luật sư nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh là đúng người đúng tội. Luật sư N3 đề nghị xét xử bị cáo mức án 24 tháng tù cho hưởng án treo. Luật sư H đề nghị áp dụng Điều 54 xử phạt bị cáo Đặng Phương N2 mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề của Điều

288 Bộ luật hình sự. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Công ty S3 xem xét giảm bồi thường cho bị cáo.

Bị cáo Đặng Phương N2 không tranh luận, bị cáo rất ân hận hành vi phạm tội của mình, xin được cải tạo tại địa phương.

Các bị cáo Đ, B1, D, X, V1 không tranh luận. Nhất trí bản luận tội của Viện kiểm sát. Các bị cáo đề nghị được hưởng án treo.

Bị cáo Lê Hoài N tranh luận: Về tội danh bị cáo nhất trí. Bị cáo xác định số tiền 400.000.000đồng thu lời bất chính của bị cáo trong đó bị cáo đã phải trả công cho Nguyễn Trung S số tiền 100.000.000đồng, trả công cho bị cáo Nguyễn Ngọc T, thực tế không còn 400.000.000đồng. Đối với 16 chiếc tủ lạnh bị thu giữ, bị cáo đã thanh toán đủ cho công ty, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo để bị cáo bán trả công ty, đề nghị cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

Bị cáo Bùi Tấn P và Nguyễn Trung S tranh luận đề nghị được hưởng án treo.

Bị cáo Phạm Thanh B tranh luận: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã nộp 20.000.000đồng để khắc phục hậu quả bồi thường cho công ty S3, chưa có tiền án tiền sự, là lao động chính, bị cáo xin được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, các bị cáo đều xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xin cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an tỉnh T; Của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo là không oan. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của nguyên đơn dân sự, kết luận giám định và vật chứng thu giữ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

- Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2020 đến tháng 12/2021, Lê Hoài N (nhân viên S1 đã nghỉ việc), Ma Văn V2 (nhân viên Sshop đã nghỉ việc); Hà Huyền A, Nguyễn Ngọc T (Quản lý tại S) và Nguyễn Trung S đã có hành vi sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông gây thiệt hại cho Công ty TNHH S2 -Thái Nguyên số tiền là 2.487.143.282đ.

- Từ tháng 01/2019 đến tháng 3/2021, Đặng Phương N2 đã có hành vi sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông gây thiệt hại cho Công ty TNHH S2 -Thái Nguyên số tiền là 641.169.275đ.

- Từ đầu năm 2020 đến tháng 12/2021, Phạm Thanh B (nhân viên S1 đã nghỉ việc) đã có hành vi sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông gây thiệt hại cho Công ty TNHH S2 –Thái Nguyên số tiền là 394.892.191đ.

- Từ tháng 8/2020 đến tháng 12/2021, Hoàng Xuân B2, Đoàn Văn D1 và Vũ Văn X1 (nhân viên làm việc tại S) đã có hành vi sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông, cùng nhau thu lợi bất chính số tiền là 86.500.000đ.

- Từ năm 2020 đến tháng 12/2021, Bùi Tấn P và Bùi Tấn Đ1 đã có hành vi sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông gây thiệt hại cho Công ty TNHH S2 –Thái Nguyên số tiền là **2.231.131.270đ**.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Sử dụng trái phép thông tinmạng máy tính, mạng viễn thông" tội phạm và hình phạt được quy định: Đối với các bị cáo Lê Hoài N, Nguyễn Trung S, Ma Văn V2, Hà Huyền A và Nguyễn Ngọc T theo điểm a, d khoản 2 Điều 288 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Đặng Phương N2, Bùi Tấn P, Bùi Tấn Đ1 theo điểm d khoản 2 Điều 288 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Thanh B, Hoàng Xuân B2, Vũ Văn X1, Đoàn Văn D1 theo điểm c khoản 1 Điều 288 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

Điều 288. **Tội sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông.**

"*1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

a) ...

...

c) Hành vi khác sử dụng trái phép thông tin trên mạng máy tính, mạng viễn thông.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

...

d) Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên...".

[3.] Xét Tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo đều nhận thức tài khoản mua hàng nội bộ là thông tin cá nhân, thuộc sở hữu của mỗi người nhưng vẫn cố tình sử dụng trái phép tài khoản mua

hàng nội bộ của người khác để mua sản phẩm với giá được chiết khấu từ Chương trình bán hàng nội bộ. Tuy không gây thiệt hại về tiền, tài sản cho chủ tài khoản nhưng đã gây thiệt hại về lợi nhuận của Công ty S3. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm vào quyền được Nhà nước bảo đảm an toàn, bí mật thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông; gây thiệt hại về lợi nhuận của Công ty S3. Do đó cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4.] Xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về vai trò của các bị cáo:

Đối với các bị cáo Lê Hoài N, nhận thức rõ tài khoản mua hàng nội bộ là thông tin cá nhân hợp pháp của mỗi người nhưng cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt, sử dụng trái phép tài khoản mua hàng nội bộ, mục đích để mua các sản phẩm với giá được chiết khấu bán cho người khác hưởng chênh lệch. Bị cáo Lê Hoài N là người khởi xướng, cầm đầu. Bị cáo Nguyễn Trung S giúp bị cáo Lê Hoài N rà soát tài khoản mua hàng nội bộ, đăng nhập, đổi mật khẩu để chiếm đoạt tài khoản mua hàng nội bộ và chuyển cho N. Bị cáo Ma Văn V2 cung cấp thông tin cá nhân (số điện thoại, mã nhân viên) cho Lê Hoài N để N chuyển cho S thiết lập tài khoản trái phép và sử dụng đặt hàng tại Sshop.vn và sử dụng TK ngân hàng của mình, của những người quen để thanh toán. Các bị cáo Nguyễn Ngọc T là nhân viên cửa hàng nội bộ, Hà Huyền A là quản lý tại Cửa hàng nội bộ biết bị cáo Lê Hoài N sử dụng trái phép tài khoản mua hàng nội bộ nhưng vẫn hỗ trợ, tạo điều kiện cho N tiếp tục đặt sản phẩm. Do vậy, bị cáo Lê Hoài N có vai trò cao nhất, là chủ mưu cầm đầu, các bị cáo Hà Huyền A và Nguyễn Ngọc T là người giúp sức tích cực tạo điều kiện cho bị cáo Lê Hoài N phạm tội. Bị cáo Nguyễn Trung S và Ma Văn V2 có vai trò giúp sức cho bị cáo Lê Hoài N phạm tội.

Bị cáo Phạm Thanh B là chủ cửa hàng kinh doanh sửa chữa điện thoại lấy tên " 1989" Mobile đã thoả thuận với bị cáo Hà Huyền A cung cấp cho B tài khoản mua hàng nội bộ của người khác và nhận thức rõ tài khoản mua hàng nội bộ là thông tin cá nhân hợp pháp của mỗi người nhưng cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt, sử dụng trái phép tài khoản mua hàng nội bộ, mục đích để mua các sản phẩm với giá được chiết khấu bán cho người khác hưởng chênh lệch. Bị cáo B đã sử dụng trái phép 35 tài khoản mua hàng nội bộ của người khác thực hiện 128 mã đặt hàng, gây thiệt hại về lợi nhuận cho Công ty S3 là số tiền 394.892.191đ. Các bị cáo Hà Huyền A, Nguyễn Ngọc T biết B sử dụng trái phép tài khoản mua hàng nội bộ nhưng vẫn hỗ trợ, tạo điều kiện cho B tiếp tục đặt sản phẩm. Bị cáo bằng có vai trò chính, các bị cáo Hà Huyền A, và Nguyễn Ngọc T là người giúp sức tích cực cho bị cáo B tạo điều kiện cho bị cáo Phạm Thanh B thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Bùi Tấn P là chủ cửa hàng kinh doanh điện thoại di động "Apple Homes" và điều hành mọi hoạt động tại cửa hàng này. Liên hệ với Hà Huyền A tạo điều kiện cho P mua hàng bằng cách nhắn tin thông báo những Chương trình giảm giá để P chủ động đặt mua sản phẩm. Phát thuê, mượn, mua tài

khoản nội bộ của nhiều người để đặt hàng tại Chương trình bán hàng nội bộ, nhờ người quen tham gia đặt hàng từ Chương trình bán hàng nội bộ cho P. Bùi Tấn Đ1 là anh trai của P là người làm thuê cho P từ năm 2020, hàng tháng P trả lương cho Đ1. Đ1 được P hướng dẫn mượn tài khoản Sshop sau đó đổi mật khẩu để tránh bị mất mã giảm giá. Do vậy P có vai trò chính, Đ1 tham gia đồng phạm giúp sức cho bị cáo P.

Bị cáo Đặng Phương N2 trực tiếp mua tài khoản của Hoàng Xuân B2, (là nhân viên S) Sau đó N2 đổi TK và mật khẩu, bán chủ yếu cho chị Vũ Thị T2 (Facebook Trang V). N2 nhận thức rõ tài khoản mua hàng nội bộ là thông tin cá nhân hợp pháp của mỗi người nhưng cố ý thực hiện hành vi mua, chiếm đoạt, sử dụng trái phép tài khoản mua hàng nội bộ, mục đích để mua các sản phẩm với giá được chiết khấu bán cho người khác hưởng chênh lệch. N2 đã sử dụng 89 tài khoản mua hàng nội bộ trái phép mua số lượng 325 sản phẩm, gây thiệt hại cho Công ty S3 là 641.169.257đ. do vậy Đặng Phương N2 chịu trách nhiệm độc lập đối với thiệt hại cho Công ty S3 là 641.169.257đ.

Các bị cáo Hoàng Xuân B2, Đoàn Văn D1, Vũ Văn X1 cùng thực hiện hành vi bán khoảng 180 tài khoản mua hàng nội bộ cho Lê Hoài N và Đặng Phương N2 và Phạm Quang H1 để cùng hưởng lợi. T3 lợi bất chính số tiền 86.500.000 đồng. Nên vai trò của các bị cáo là ngang nhau.

- Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sựcủa các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải do vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Sau khi phạm tội các bị cáo Lê Hoài N, Nguyễn Trung S, Ma Văn V2, Đặng Phương N2, Bùi Tấn P; Bùi Tấn Đ1, Phạm Thanh B, Nguyễn Ngọc T, Hà Huyền A đã tự nguyện bồi thường một phần để khắc phục hậu quả và nộp một phần tiền thu lợi bất chính (riêng bị cáo Ma Văn V2 đã nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính).Các bị cáo Hoàng Xuân B2, Vũ Văn X1, Đoàn Văn D1 mỗi bị cáo nộp 5.000.000đồng thu lời bất chính. Các bị cáo Lê Hoài N. Nguyễn Trung S, Ma Văn V2, Đặng Phương N2, Bùi Tấn P; Bùi Tấn Đ1, Phạm Thanh B, Nguyễn Ngọc T, Hà Huyền A đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Hoàng Xuân B2, Vũ Văn X1, Đoàn Văn D1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Phạm Thanh B, Hoàng Xuân B2, Vũ Văn X1, Đoàn Văn D1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Hà Huyền A có bố đẻ được tặng thưởng Huân Chương Bảo vệ Tổ quốc và Huân Chương chiến sỹ vẻ vang; bị cáo Nguyễn Trung S và các bị cáo Ma Văn V2, Nguyễn Ngọc T, Hoàng Xuân B2 có ông được tặng Huân

chương kháng chiến nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Lê Hoài N có 04 ngày sử dụng trái phép tài khoản mua hàng nội bộ với số tiền gây thiệt hại về lợi nhuận cho công ty S3 mỗi ngày hơn 100.000.000đồng do vậy bị cáo Lê Hoài N phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Trung S, Ma Văn V2, Đặng Phương N2, Bùi Tấn P; Bùi Tấn Đ1, Phạm Thanh B, Hà Huyền A, Nguyễn Ngọc T, Hoàng Xuân B2, Vũ Văn X1, Đoàn Văn D1 đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5.] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo Ma Văn V2, Đặng Phương N2, Bùi Tấn P; Bùi Tấn Đ1, Phạm Thanh B, Hoàng Xuân B2, Vũ Văn X1, Đoàn Văn D1 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đặc biệt sau khi phạm tội các bị cáo đều tự nguyện bồi thường thiệt hại và nộp lại số tiền thu lời bất chính, bị cáo Ma Văn V2 sau khi phạm tội đã nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính là 50.000.000đồng, bị cáo Bùi Tấn P đã nộp 550.000.000đồng để bồi thường cho công ty S3. Điều đó thể hiện sự ăn năn hối cải và ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo Ma Văn V2, Đặng Phương N2, Bùi Tấn P; Bùi Tấn Đ1, Phạm Thanh B, Hoàng Xuân B2, Vũ Văn X1, Đoàn Văn D1 đều có nơi cư trú ổn định rõ ràng, được chính quyền địa phương xác nhận, do vậy có căn cứ áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự xét cho các bị cáo Ma Văn V2, Đặng Phương N2, Bùi Tấn P; Bùi Tấn Đ1, Phạm Thanh B, Hoàng Xuân B2, Vũ Văn X1, Đoàn Văn D1 được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và đủ răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T tham gia đồng phạm giúp sức dưới sự chỉ đạo của bị cáo Hà Huyền A, sau khi phạm tội đã nộp ngay 25.000.000đồng tiền thu lời bất chính và trong quá trình xét xử bị cáo đã nộp thêm 20.000.000đồng để khắc phục hậu quả bồi thường một phần cho công ty S3. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b,s khoản 1 Điều 51 và một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đó là đã nộp tiền thu lời bất chính, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo là phụ nữ đang phải nuôi con nhỏ, thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến 08/01/2023 là 11 tháng 10 ngày. Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xét cho bị cáo mức án tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam là 11 tháng 10 ngày là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Hoài N và Nguyễn Trung S mặc dù có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng bị cáo Lê Hoài N phạm tội nhều lần và phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, đồng thời bị cáo Lê Hoài

N có vai trò là người chủ mưu, cầm đầu, bị cáo S là người giúp sức tích cực cho bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội, S có nhân thân năm 2014 bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Do vậy, xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo trong vụ án, cần phải cách ly các bị cáo Lê Hoài N và Nguyễn Trung S ra khỏi xã hội mới đảm bảo tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo Hà Huyền A với chức năng nhiệm vụ tại Cửa hàng N8, Hà Huyền A có vị trí nhiệm vụ Quản lý bán hàng (S4) – quản lý cao nhất và chịu trách nhiệm mọi hoạt động vận hành tại đây, bị cáo tham gia giúp sức tạo điều kiện cho các bị cáo Lê Hoài N, Nguyễn Thanh B3, Bùi Tấn P phạm tội và nhận cảm ơn của các bị cáo và chỉ đạo Nguyễn Ngọc T cùng thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi phạm tội bị cáo đã nộp 4.000.000đồng thu lời bất chính và trong quá trình xét xử bị cáo đã nộp 5.000.000đồng để khắc phục hậu quả bồi thường cho công ty S3. Tuy nhiên, với tính chất, hành vi của các bị cáo nêu trên, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6.] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều không có thu nhập ổn định, nên miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7.] Về trách nhiệm dân sự:

Nguyên đơn dân sự là Công ty S3 yêu cầu các bị cáo là người trực tiếp gây thiệt hại cho công ty P1 bồi thường cho công ty T11 tiền là 5,754,336,018 đồng. Đối với Công ty S3 đã ký Hợp đồng với Công ty Cổ phần D3 (gọi tắt là Công ty I1), có trụ sở tại: Số E H, phường A, quận P, TP Hồ Chí Minh cung cấp nhân lực thực hiện dịch vụ bán hàng tại các Cửa hàng bán hàng nội bộ chỉ dành riêng bán hàng theo giá nội bộ cho các nhân viên thuộc tập đoàn S5, không có khách hàng khác. Trong vụ án này có bị cáo Hà Huyền A và Nguyễn Ngọc T là nhân viên hợp đồng với công ty I1 nhưng vẫn chịu sự quản lý, giám sát của công ty S3. Công ty S3 yêu cầu các bị cáo là người gây thiệt hại phải trực tiếp bồi thường. Công ty S3 không yêu cầu công ty I1 phải bồi thường trong vụ án này. Đây là quyền tự định đoạt của nguyên đơn dân sự. Hội đồng xét xử không xem xét về phần trách nhiệm bồi thường dân sự giữa công ty I1 và công ty S3 và cũng phù hợp với quan điểm của công ty I1 về trách nhiệm bồi thường dân sự là thuộc trách nhiệm của cá nhân, nhân viên Nguyễn Ngọc T và Hà Huyền A.

Xét yêu cầu bồi thường của công ty S3 đối với các bị cáo đã gây thiệt hại về lợi nhuận cho công ty S3 là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường cho Công ty tương xứng với thiệt hại thực tế do hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra, cụ thể:

Buộc các bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH S2, cụ thể như sau:

Các bị cáo Lê Hoài N, Hà Huyền A, Nguyễn Trung S, Ma Văn V2, Nguyễn Ngọc T cùng phải liên đới bồi thường số tiền là 2.487.143.282 đồng. Trong đó bị cáo Lê Hoài N phải bồi thường ½ số tiền đã gây thiệt hại cho công ty S3 là 1.243.571.642 đồng. Bị cáo Lê Hoài N đã nộp số tiền 50.000.000đ. Các bị cáo Hà Huyền A, Nguyễn Trung S, Ma Văn V2, Nguyễn Ngọc T phải

liên đới bồi thường ½ số tiền 2.487.143.282 là 1.243.571.641 đồng. Phần của mỗi bị cáo phải bồi thường là 310.892.910đồng. Bị cáo Nguyễn Trung S đã nộp số tiền 20.000.000đ. Bị cáo Ma Văn V2 đã nộp số tiền 20.000.000đ. Bị cáo Nguyễn Ngọc T đã nộp 20.000.000đồng, bị cáo Hà Huyền A đã nộp 5.000.000đồng

+ Buộc các bị cáo Bùi Tấn P, Bùi Tấn Đ1 phải liên đới bồi thường số tiền 2.231.131.270 đồng. Trong đó bị cáo Bùi Tấn P phải bồi thường 2/3 thiệt hại đã gây ra cho công ty S3 là 1.487.420.847đồng, bị cáo đã nộp 550.000.000đồng còn phải bồi thường 937.420.847.đồng. Bị cáo Bùi Tấn Đ1 phải bồi thường 1/3 thiệt hại đã gây ra cho công ty S3 là 743.710.423đồng đã nộp số tiền 50.000.000đ còn phải bồi thường 693.710.423đồng

+ Buộc bị cáo Phạm Thanh B, Nguyễn Ngọc T, Hà Huyền A phải liên đới bồi thường số tiền gây thiệt hại cho công ty S3 là 394.892.191 đồng. Trong đó Phạm Thanh B phải chịu trách nhiệm bồi thường 2/3 tổng số tiền gây thiệt hại cho công ty S3 là 263.261.461 đồng (Bị cáo Phạm Thanh B đã nộp số tiền 20.000.000đ còn phải bồi thường 243.261.461 đồng.

Các bị cáo Hà Huyền A, Nguyễn Ngọc T phải liên đới bồi thường với bị cáo B tương ứng 1/3 của số tiền 394.892.191 đồng cụ thể mỗi bị cáo là: 65.815. 365 đồng.

Bị cáo Đặng Phương N2 phải bồi thường số tiền 641.169.275đồng, đã nộp bồi thường số tiền 30.000.000đ còn phải bồi thường 611.169.275đồng

[8.] Đối với số tiền các bị cáo thu lời bất chính do các bị cáo phạm tội mà có cần truy thu để sung quỹ Nhà nước. Cụ thể:

+ Bị cáo Lê Hoài N: 400.000.000đồng; đã nộp 5.000.0000đồng

+ Bị cáo Nguyễn Trung S: 150.000.000đồng; đã nộp 3.000.000đồng

+ Bị cáo Ma Văn V2: 50.000.000đồng; đã nộp đủ

+ Bị cáo Nguyễn Ngọc T: 30.000.000đồng, đã nộp 25.000.000đồng;

+Bị cáo Hà Huyền A số tiền 4.000.000đồng; đã nộp 4.000.000đồng

+ Bị cáo Đặng Phương N2: 40.000.000đồng, đã nộp 10.000.000đồng;

+ Bị cáo Phạm Thanh B: 30.000.000đồng; đã nộp 10.000.000đồng.

+ Bị cáo Bùi Tấn P: 150.000.000đồng; đã nộp 5.000.000đồng

+ Các bị cáo Hoàng Xuân B2, Đoàn Văn D1, Vũ Văn X1 phải liên đới nộp 86.500.000đồng. Trong đó, mỗi bị cáo phải nộp 28.833.334đồng. Mỗi bị cáo đã nộp 5.000.000đồng.

[9.] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với những vật chứng mà các bị cáo đã dùng làm công cụ phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước cụ thể: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20+, số IMEI1: 355362114211662, IMEI2: 355363114211660 được niêm phong trong phong bì đúng quy định có chữ ký Lê Hoài N; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Product ID 00327-35191-08559-AAOEM; Device ID: DDCFD1C5-5767-46BB-BC70-5E9DBD2660F được niêm phong trong 01 thùng đúng quy định có chữ ký Lê Hoài N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu S5 20, IMEI1: 354626226496986/01, IMEI2: 359453166496982/01 được niêm phong trong phong bì đúng quy định có chữ ký Nguyễn Ngọc T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21+,

IMEI1: 352630602757203, IMEI2: 352816902757205 được niêm phong trong phong bì đúng quy định có chữ ký Ma Văn V2; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, vỏ màu hồng, số IMEI: 354626/22/634734/6 trong 01 phong bì đúng quy định có chữ ký Hà Huyền A; **05** Điện thoại (**0**1 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel số IMEI: 355634048615626 vỏ màu đen, bị mất nắp lưng; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Mastel số IMEI: 355634048533134 vỏ màu đen; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Mastel số IMEI: 359366094721133 vỏ màu đen; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Nokia số IMEI1: 353141113005156, IMEI2: 353141118005151 vỏ màu đen; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Intel số IMEI1: 358625107589147, IMEI2: 358625107589154 vỏ màu đỏ) và **01** máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo vỏ màu đen – tất cả được niêm phong trong 01 thùng đúng quy định có chữ ký của Nguyễn Trung S;

Đối với **16** chiếc tủ lạnh Side by side Samsung Inverter 660L, mã sản phẩm RS64R5301B4, chưa qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lê Hoài N, bị cáo đã thanh toán đủ tiền cho công ty S3, bị cáo đã phải bồi thường thiệt hại cho Công ty S3 và phải nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính sung quỹ Nhà nước do vậy cần tạm giữ 16 chiếc tủ lạnh nêu trên để đảm bảo việc thi hành án cho bị cáo Lê Hoài N.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi vỏ màu đen; thu giữ của Nguyễn Trung S, bị cáo xác định không liên quan đến phạm tội nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Trung S.

Đối với 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Model X542U03-G0349T, số seri: HBN0CV076293455 và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Model: X542U3-G0349T, số seri: HBN0CV076272459 – niêm phong trong 01 thùng ký hiệu A1 theo quy định; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Model X, số seri: HBN0CV0729545A; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Samsung, Model: NP900X3H, số seri: 0T2Q91KJ800007R - niêm phong trong 01 thùng ký hiệu A2 theo quy định. Đây là tài sản của công ty TNHH S2. Quá trình điều tra, cơ quan Điều tra đã thu giữ để phục vụ Điều tra. Cần trả lại cho công ty TNHH S2 - Thái Nguyên quản lý, sử dụng.

Đối với các thẻ ATM thu giữ của chị Hoàng Thị V, bị cáo Hà Huyền A, Lê Hoài N trả lại cho chị V và hai bị cáo quản lý sử dụng.

[10.] Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của các luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Hà Huyền A, Đặng Phương N2 tại phiên tòa.

Liên quan trong vụ án các trường hợp không đủ căn cứ xử lý hình sự:

- Nguyễn Văn H2: H2 nhận thức rõ tài khoản mua hàng nội bộ là thông tin cá nhân hợp pháp của mỗi nhân viên công ty S3 nhưng vẫn cố ý sử dụng trái phép để mua sản phẩm điện tử nhãn hiệu Samsung bán ra thị trường hưởng chênh lệch. Do số tiền gây thiệt hại cho công ty S3 và số tiền H2 thu lợi bất chính chưa đủ cấu thành tội phạm. Hành vi của H2 vi phạm khoản 1 Điều 80 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến

điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử. Công an tỉnh T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H2 theo thẩm quyền.

- Những người sử dụng tài khoản mua hàng nội bộ nhưng không biết quy định về bảo mật và sử dụng tài khoản mua hàng nội bộ của công ty S3:

+ Nguyễn Đình L được Hà Huyền A cung cấp cho các tài khoản mua hàng nội bộ nhằm mục đích giúp S1 tăng doanh số bán hàng, được cấp quản lý trên của Huyền A tại Savina đồng ý nên L đã sử dụng các tài khoản mua hàng nội bộ để đặt mua sản phẩm nhãn hiệu Samsung trên trang sshop.vn. L tin tưởng là các tài khoản mua hàng nội bộ là được phép sử dụng, bản thân L không cố ý sử dụng trái phép tài khoản (không thay đổi mật khẩu các tài khoản).

+ Nguyễn Xuân T4 được Nguyễn Trường A1, Nguyễn Xuân T5 mượn cho một số tài khoản; Trần Thị H3 cung cấp cho T4 60 tài khoản mua hàng nội bộ để T4 đặt mua sản phẩm từ trang thương mại điện tử sshop.vn nhưng việc H3 cung cấp tài khoản không nhằm mục đích vụ lợi. Tại thời điểm H3 làm việc tại Sshop công ty S3, công ty S3 cũng như I chưa có quy định về trách nhiệm bảo mật đối với nhân viên tại S đối với tài khoản mua hàng nội bộ của người khác.

- Những người mượn, thuê tài khoản mua hàng nội bộ được sự đồng ý của chủ tài khoản:

+ Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị Hồng N4, Hoàng Thị N5 mượn tài khoản mua hàng nội bộ của người quen để cung cấp tài khoản cho Nguyễn Ngọc T, Hà Huyền A nhưng H4, N4, N5 không biết mục đích để T, Huyền A cung cấp cho B.

+ Tạ Tiến N6 và Trần Đức T6 sử dụng các tài khoản mua hàng nội bộ do T6 mượn của người quen cùng làm tại công ty S3 (được các chủ tài khoản đồng ý cho sử dụng) để đặt mua sản phẩm điện tử nhãn hiệu Samsung bán cho Vũ Thị T2.

+ Đào Văn L1 sử dụng tài khoản mua hàng nội bộ của bản thân và nhờ bạn làm cùng công ty S3 dùng tài khoản của họ đặt sản phẩm để bán cho Trần Nhật T7.

+ Nguyễn Ngọc H5 sử dụng tài khoản mua hàng nội bộ do vợ là Hoàng Thị H6 – nhân viên công ty S3 mượn trực tiếp từ chủ tài khoản và được sự đồng ý của chủ tài khoản để đặt mua sản phẩm từ Chương trình bán hàng nội bộ.

- Những người mua sản phẩm từ Chương trình bán hàng nội bộ công ty S3 gồm: Trần Quốc B4, Đinh Quang L2, Vũ Thị T2, Trần Nhật T7. Bộ, L2, T2, T7 là những người mua bán, kinh doanh các sản phẩm điện tử, mua lại các đơn hàng của các bị cáo do thấy đó là các sản phẩm chính hãng, giá rẻ hơn giá bán thị trường.

- Những người được thuê đặt hàng gồm: Đoàn Thanh H7, Trần Quốc B4 đặt hàng cho Lê Hoài N; Nguyễn Ngọc H5, Bàn Thị V3 đặt hàng cho Bùi Tấn P. H7 và Bộ, H5 và V3 đều không biết các bị cáo sử dụng trái phép tài khoản mua hàng nội bộ.

- Những người cho các bị cáo mượn tài khoản Ngân hàng để thanh toán đều không biết về hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Nguyễn Minh T8, sinh năm 1983 – Trưởng bộ phận kinh doanh bán hàng nội bộ sản phẩm di động Công ty S6 (là quản lý trực tiếp của Hà Huyền A). Hà Huyền A khai việc cung cấp các tài khoản mua hàng nội bộ cho người khác sử dụng để tăng doanh số Cửa hàng nội bộ công ty S3 là thực hiện theo sự chỉ đạo của T8, được T8 đồng ý. Ngoài lời khai của Hà Huyền A như trên, không có tài liệu nào khác chứng minh việc T8 chỉ đạo Huyền A cung cấp tài khoản cho người khác để mua sản phẩm Chương trình bán hàng nội bộ. Nguyễn Minh T8 không thừa nhận hành vi của mình như Huyền A khai nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với T8.

Đối với anh Phạm Quang H1 và anh Nguyễn Anh D2 là cán bộ thuộc T12. Ngày 30/11/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T bàn giao tài liệu liên quan đến 02 cán bộ nêu trên cho Cơ quan điều tra hình sự, T12 để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với cửa hàng FB Ducle1986: Tài liệu của công ty S3 cung cấp không có thông tin về chủ cửa hàng và địa chỉ chính xác của người sử dụng tài khoản nên không đủ căn cứ để xác minh, điều tra làm rõ.

Đối với 04 đối tượng: Đặng Văn M, sinh năm 1996, HKTT: Thôn K, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang (cửa hàng Hỗ trợ vay vốn nhân viên S5) có hành vi thuê người khác sử dụng tài khoản mua hàng nội bộ mua sản phẩm từ Chương trình bán hàng nội bộ; Nguyễn Văn N7, sinh năm 1995, HKTT: Thôn B, xóm Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang (cửa hàng M1) và Trương Quốc L3, sinh năm 1995, HKTT: Tổ G, phường T, TP T, tỉnh Thái Nguyên có hành vi sử dụng tài khoản mua hàng nội bộ mua sản phẩm từ Chương trình bán hàng nội bộ và bán cho cửa hàng M1. Nguyễn Xuân G, sinh năm 1993, HKTT: Khu A, TT C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (cửa hàng V4) nghi vấn thực hiện hành vi sử dụng tài khoản mua hàng nội bộ mua sản phẩm từ Chương trình bán hàng nội bộ gây thiệt hại cho công ty S3, Cơ quan CSĐT chưa triệu tập được để lấy lời khai do G hiện vắng mặt tại địa phương. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã ra Quyết định số 01 ngày 15/01/2023 tách hành vi và tài liệu liên quan đến 04 đối tượng nêu trên để thụ lý tiếp tục xác minh, làm rõ.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

I. Về hình phạt:

1. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 288; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Lê Hoài N 30 (ba mươi) tháng tù về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"* . Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi

hành bản án. Bị cáo được trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 08/01/2023.

2. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 288; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

Nguyễn Trung S 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"*. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành bản án. Bị cáo được trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 08/01/2023.

3. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 288; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

H (hai mươi bốn) tháng tù về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"*. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành bản án. Bị cáo được trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 08/01/2023.

4. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 288; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo:

Nguyễn Ngọc T 11 tháng 10 ngày tù về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"*. Thời hạn tù bằng thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 08/01/2023.

5. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 288; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Ma Văn Vĩ 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"*, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 288; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17,; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

Đặng Phương N2 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"*, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 288; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

Bùi Tấn Phát 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"*, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

8. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 288; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

Bùi Tấn Đ1 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"*, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

9. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 288; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Phạm Thanh B 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"*, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

10. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 288; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

H (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"*, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

11. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 288; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, ; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

Vũ Văn X1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"*, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

12. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 288; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

Đoàn Văn D1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội:*"Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông"*, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ma Văn V2 cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đặng Phương N2 cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách

Giao bị cáo Hoàng Xuân B2 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách

Giao bị cáo Đoàn Văn D1 cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách

Giao bị cáo Vũ Văn X1 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách

Giao bị cáo Phạm Thanh B cho UBND phường phố C1, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Bùi Tấn P và Bùi Tấn Đ1 cho UBND phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung đối với các bị cáo.

II. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; 585; 586; 587; 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH S2, cụ thể như sau:

1. Buộc các bị cáo Lê Hoài N, Hà Huyền A, Nguyễn Trung S, Ma Văn V2, Nguyễn Ngọc T phải liên đới bồi thường số tiền 2.487.143.282 đồng cụ thể:

Bị cáo Lê Hoài N phải bồi thường 1.243.571.642 đồng, đã bồi thường 50.000.000đ (theo biên lai thu tiền số 0000393 ngày 07/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), bị cáo còn phải bồi thường 1.193.571.642 đồng.

Bị cáo Hà Huyền A phải bồi thường 310.892.910đồng, đã bồi thường 5.000.000đồng (theo biên lai thu tiền số 0000557 ngày 25/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), bị cáo còn phải bồi thường 305.892.910đồng

Bị cáo Nguyễn Trung S phải bồi thường 310.892.910đồng, đã bồi thường 20.000.000đồng (theo biên lai thu tiền số 0000394 ngày 07/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên do Lê Hoài N nộp thay), bị cáo còn phải bồi thường 290.892.910 đồng.

Bị cáo Ma Văn V2 phải bồi thường 310.892.910đồng, đã bồi thường 20.000.000đồng (theo biên lai thu tiền số 0000551 ngày 21/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), bị cáo còn phải bồi thường 290.892.910 đồng

Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải bồi thường 310.892.910đồng, đã bồi thường 20.000.000đồng (theo biên lai thu tiền số 0000556 ngày 24/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên do Nguyễn Thế C nộp thay), bị cáo còn phải bồi thường 290.892.910 đồng.

2. Buộc các bị cáo Phạm Thanh B, Hà Huyền A, Nguyễn Ngọc T phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH S2 số tiền 394.892.191 đồng cụ thể:

Bị cáo Phạm Thanh B phải bồi thường số tiền 2/3 số tiền gây thiệt hại cho công ty S3 là 263.261.461 đồng, bị cáo đã nộp số tiền 20.000.000đồng (theo biên lai số 0000392 ngày 06/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), bị cáo còn phải bồi thường 243.261.461 đồng

Bị cáo Hà Huyền A phải bồi thường 65.815. 365 đồng

Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải bồi thường 65.815. 365 đồng

4. Buộc các bị cáo Bùi Tấn P, Bùi Tấn Đ1 phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH S2 số tiền là 2.231.131.270 đồng cụ thể:

Bị cáo Bùi Tấn P phải bồi thường 2/3 số tiền gây thiệt hại cho công ty S3 là 1.487.420.847 đồng, bị cáo đã bồi thường số tiền 550.000.000đồng (theo biên lai thu tiền số 0000396 ngày 07/4/2023 và biên lai thu tiền số 0000558 ngày 25/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), bị cáo còn phải bồi thường 937.420.847đồng.

Bị cáo Bùi Tấn Đ1 phải bồi thường 1/3 số tiền gây thiệt hại cho công ty S3 là 743.710.423 đồng, bị cáo đã nộp số tiền 50.000.000đ (theo biên lai thu tiền số 0000395 ngày 07/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), bị cáo còn phải bồi thường 693.710.423đồng

5. Buộc bị cáo Đặng Phương N2 phải bồi thường số tiền gây thiệt hại cho công ty S3 là 641.169.275đồng, bị cáo đã nộp số tiền 30.000.000đồng (theo biên lai thu tiền số 0000399 ngày 10/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên). Bị cáo còn phải bồi thường 611.169.275đồng.

6. Truy thu toàn bộ số tiền thu lời bất chính của các bị cáo để sung quỹ Nhà nước. Cụ thể:

6.1. Bị cáo Lê Hoài N: 400.000.000đ, đã nộp 5.000.0000đồng (theo Ủy nhiệm chi số 5/022 ngày15/02/2023, đơn vị nhận tiền Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), bị cáo còn phải nộp 395.000.000đồng, sung quỹ Nhà nước

6.2. Bị cáo Nguyễn Trung S: 150.000.000đ; đã nộp 3.000.000đồng theo Ủy nhiệm chi số 5/022 ngày15/02/2023, đơn vị nhận tiền Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), bị cáo còn phải nộp 147.000.000đồng, sung quỹ Nhà nước

6.3 Bị cáo Ma Văn V2 số tiền 50.000.000đ đã nộp đủ (theo Ủy nhiệm chi số 5/022 ngày15/02/2023, đơn vị nhận tiền Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), sung quỹ Nhà nước

6.4 Bị cáo Nguyễn Ngọc T: 30.000.000đ, đã nộp 25.000.000 đồng (theo Ủy nhiệm chi số 5/022 ngày15/02/2023, đơn vị nhận tiền Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), bị cáo còn phải nộp 5.000.000đồng, sung quỹ Nhà nước

6.5 Bị cáo Hà Huyền A số tiền 4.000.000đồng, bị cáo đã nộp đủ số tiền 4.000.000đ. (theo Ủy nhiệm chi số 5/022 ngày15/02/2023, đơn vị nhận tiền Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), sung quỹ Nhà nước.

6.6 Bị cáo Đặng Phương N2: 40.000.000đ, đã nộp 10.000.000đồng (theo biên lai số 0000391 ngày 06/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), bị cáo còn phải nộp 30.000.000đồng, sung quỹ Nhà nước.

6.7 Bị cáo Phạm Thanh B: 30.000.000đ; đã nộp 10.000.000đồng (theo biên lai số 0000559 ngày 27/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), bị cáo còn phải nộp 20.000.000đồng, sung quỹ Nhà nước.

6.8 Bị cáo Bùi Tấn P: 150.000.000đồng, bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000đ (theo biên lai thu số 0000397 ngày 07/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), bị cáo còn phải nộp 145.000.000đồng, sung quỹ Nhà nước.

6.9. Bị cáo Hoàng Xuân B2, phải nộp 28.833.334đồng, bị cáo đã nộp 5.000.000đồng (theo biên lai số 0000555 ngày 24/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên do Phan Thị Thủy T9 nộp thay), bị cáo còn phải nộp 23.833.334đồng, sung quỹ Nhà nước.

6.10. Bị cáo Đoàn Văn D1, phải nộp 28.833.334đồng, bị cáo đã nộp 5.000.000đồng (theo biên lai số 0000553 ngày 24/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), bị cáo còn phải nộp 23.833.334đồng, sung quỹ Nhà nước.

6.11. Bị cáo Vũ Văn X1 phải nộp 28.833.334đồng, bị cáo đã nộp 5.000.000đồng (theo biên lai số 0000554 ngày 24/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), bị cáo còn phải nộp 23.833.334đồng, sung quỹ Nhà nước.

7. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47; Điều 48 của Bộ luật hình sự:

7.1 Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20+, số IMEI1: 355362114211662, IMEI2: 355363114211660 được niêm phong trong phong bì đúng quy định có chữ ký Lê Hoài N;

+ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Product ID 00327-35191-08559-AAOEM; Device ID: DDCFD1C5-5767-46BB-BC70-5E9DBD2660F được niêm phong trong 01 thùng đúng quy định có chữ ký Lê Hoài N;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20, IMEI1: 354626226496986/01, IMEI2: 359453166496982/01 được niêm phong trong phong bì đúng quy định có chữ ký Nguyễn Ngọc T;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21+, IMEI1: 352630602757203, IMEI2: 352816902757205 được niêm phong trong phong bì đúng quy định có chữ ký Ma Văn V2;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, vỏ màu hồng, số IMEI: 354626/22/634734/6 trong 01 phong bì đúng quy định có chữ ký Hà Huyền A;

+ 05 Điện thoại (01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel số IMEI: 355634048615626 vỏ màu đen, bị mất nắp lưng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel số IMEI: 355634048533134 vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel số IMEI: 359366094721133 vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia số IMEI1: 353141113005156, IMEI2: 353141118005151 vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Intel số IMEI1: 358625107589147, IMEI2: 358625107589154 vỏ màu đỏ) và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo vỏ màu đen – tất cả được niêm phong trong 01 thùng đúng quy định có chữ ký của Nguyễn Trung S;

7.2 Trả lại cho Công ty TNHH S2 - Thái Nguyên:

+ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Model X542U03-G0349T, số seri: HBN0CV076293455 và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Model: X542U3-G0349T, số seri: HBN0CV076272459 – niêm phong trong 01 thùng ký hiệu A1 theo quy định; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Model X, số seri: HBN0CV0729545A; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Samsung, Model: NP900X3H, số seri: 0T2Q91KJ800007R - niêm phong trong 01 thùng ký hiệu A2 theo quy định;

- Trả lại cho chị Hoàng Thị V 01 thẻ ATM số 9704 0799 3318 4838 của ngân hàng T10 mang tên Hoàng Thị V được niêm phong trong 01 phong bì đúng quy định.

- Trả lại cho bị cáo Hà Huyền A 01 thẻ ATM của ngân hàng T10 niêm phong trong 01 phong bì đúng quy định có chữ ký Hà Huyền A;

+Trả lại cho bị cáo Lê Hoài N 01 thẻ ATM số 9704 0799 7146 4858 của ngân hàng T10 mang tên Lê Hoài N được niêm phong trong 01 phong bì đúng quy định.

7.3. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo:

+ Lê Hoài N 16 chiếc tủ lạnh Side by side Samsung Inveter 660L, mã sản phẩm RS64R5301B4, chưa qua sử dụng; số tiền 50.000.000đ (theo biên lai thu tiền số 0000393 ngày 07/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên) để thi hành án khoản tiền bồi thường cho Công ty TNHH S2; số tiền 5.000.0000đồng (theo Ủy nhiệm chi số 5/022 ngày15/02/2023, đơn vị nhận tiền Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên) để thi hành án đối với số tiền truy thu, thu lời bất sung quỹ Nhà nước.

+ Nguyễn Trung S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi vỏ màu đen; số tiền 20.000.000đồng (theo biên lai số số 0000394 ngày 07/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên do Lê Hoài N nộp thay) để thi hành án khoản tiền bồi thường cho Công ty TNHH S2); số tiền 3.000.000đồng (theo Ủy

nhiệm chi số 5/022 ngày15/02/2023, đơn vị nhận tiền Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để thi hành án đối với số tiền truy thu, thu lời bất chính sung quỹ nhà nước).

+ Ma Văn V2 số tiền 20.000.000đồng (theo biên lai số 0000551 ngày 21/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên) để thi hành án khoản tiền bồi thường cho Công ty TNHH S2); số tiền 50.000.000đ (Ủy nhiệm chi số 5/022 ngày15/02/2023, đơn vị nhận tiền Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để thi hành án đối với số tiền thu lời bất chính sung quỹ nhà nước).

+ Nguyễn Ngọc T số tiền 20.000.000đồng (theo biên lai số 0000556 ngày 24/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên do Nguyễn Thế C nộp thay để thi hành án khoản tiền bồi thường cho Công ty TNHH S2); số tiền 25.000.000 đồng (theo Ủy nhiệm chi số 5/022 ngày15/02/2023, đơn vị nhận tiền Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để thi hành án đối với số tiền thu lời bất chính sung quỹ nhà nước)

+ Hà Huyền A số tiền 5.000.000đồng (theo biên lai số số 0000557 ngày 25/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để thi hành án khoản tiền bồi thường cho Công ty TNHH S2); số tiền 4.000.000đồng (theo Ủy nhiệm chi số 5/022 ngày15/02/2023, đơn vị nhận tiền Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để thi hành án đối với số tiền thu lời bất chính sung quỹ nhà nước).

+ Đặng Phương N2 số tiền 30.000.000đồng (theo biên lai số 0000399 ngày 10/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để thi hành án khoản tiền bồi thường cho Công ty TNHH S2); Số tiền 10.000.000đồng (theo biên lai số 0000391 ngày 06/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để thi hành án đối với số tiền thu lời bất chính sung quỹ nhà nước)

+ Bùi Tấn P số tiền 550.000.000đồng (theo biên lai số 0000396 ngày 07/4/2023 và biên lai thu số 0000558 ngày 25/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để thi hành án khoản tiền bồi thường cho Công ty TNHH S2); số tiền 5.000.000đ (theo biên lai thu số 0000397 ngày 07/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để thi hành án đối với số tiền thu lời bất chính sung quỹ nhà nước).

+ Bùi Tấn Đ1 số tiền 50.000.000đ (theo biên lai thu số 0000395 ngày 07/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để thi hành án khoản tiền bồi thường cho Công ty TNHH S2)

+ Phạm Thanh B số tiền 20.000.000đ (theo biên lai số 0000392 ngày 06/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để thi hành án khoản tiền bồi thường cho Công ty TNHH S2); số tiền 10.000.000đồng (theo biên lai số 0000559 ngày 27/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để thi hành án đối với số tiền thu lời bất chính sung quỹ nhà nước)

+ Hoàng Xuân B2 số tiền 5.000.000đồng (theo biên lai số 0000555 ngày 24/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên do Phan Thị Thủy T9 nộp thay) để thi hành án đối với số tiền thu lời bất chính sung quỹ nhà nước.

+ Đoàn Văn D1 số tiền 5.000.000đồng (theo biên lai số 0000553 ngày 24/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên) để thi hành án đối với số tiền thu lời bất chính sung quỹ nhà nước

+ Vũ Văn X1 số tiền 5.000.000đồng (theo biên lai số 0000554 ngày 24/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên) để thi hành án đối với số tiền thu lời bất chính sung quỹ nhà nước.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 43 ngày 16/02/2023 giữa Công an tỉnh T và Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên và Ủy nhiệm chi số 5/022 ngày 15/02/2023).

8. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự sơ thẩm, buộc các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền còn phải bồi thường cho công ty S3 cụ thể là:

Lê Hoài N phải chịu 47.807.149 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyễn Trung S phải chịu 14.544.646 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ma Văn V2 phải chịu 14.544.646 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hà Huyền A phải chịu 18.585.413 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyễn Ngọc T phải chịu 17.835.413 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Phạm Thanh B phải chịu 12.163.073đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đặng Phương N2 phải chịu 28.446.771đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bùi Tấn P phải chịu 40.122.625 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bùi Tấn Đ1 phải chịu 31.748.416 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- CA tỉnh TN;
- Cục THA dân sự tỉnh TN;
- THA Hình sự;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Phương